

DỰ THẢO 21.11.2025

Hà Nội, ngày tháng năm

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN, GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ VỚI QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 153/2020/NĐ-CP NGÀY 31/12/2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ CHÀO BÁN, GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 65/2022/NĐ-CP NGÀY 16/9/2022, NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2023/NĐ-CP NGÀY 05/3/2023)

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BTC ngày / /2025 của Bộ Tài chính)

S TT	Nghị định số 153/2020/NĐ-CP Nghị định 65/2022/NĐ-CP ¹ Nghị định 08/2023/NĐ-CP ²	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
1	Tên Nghị định: - Nghị định số 153/2020/NĐ-CP: Quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế. - Nghị định số 65/2022/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ	Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.	Tên Nghị định kế thừa tên Nghị định số 153/2020/NĐ-CP

¹ Sửa đổi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP

² Sửa đổi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, sửa đổi, ngưng thi hành một số điều tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

	<p>tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.</p> <p>- Nghị định số 08/2023/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.</p>		
	Chương I. Quy định chung	Chương I. Quy định chung	
2	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Nghị định này quy định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.</p> <p>2. Nghị định này không điều chỉnh việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng tại thị trường trong nước theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Nghị định này quy định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.</p> <p>2. Nghị định này không điều chỉnh việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng tại thị trường trong nước theo quy định của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và viện dẫn văn bản theo quy định tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.</p>
3	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 2. Đối tượng áp dụng</p> <p>1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.</p>	<p>Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.</p>

4	<p>Điều 3. Áp dụng quy định pháp luật liên quan</p> <p>1. Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng và xổ số ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>2. Doanh nghiệp dự án PPP chào bán trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> <p>3. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý</p>	<p>Điều 3. Áp dụng quy định pháp luật liên quan</p> <p>1. <i>Doanh nghiệp phát hành trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này còn phải thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.</i> Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, <i>kinh doanh bất động sản, bảo hiểm</i> và xổ số <i>còn</i> phải thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật chuyên ngành và quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>2. Doanh nghiệp dự án PPP chào bán trái phiếu ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này, phải thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư.</p> <p>3. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, ngoài việc tuân thủ quy định của Nghị định này phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ</p>	<p>- Bổ sung quy định nguyên tắc áp dụng pháp luật liên quan đề quy định bao quát;</p> <p>- Bổ sung, làm rõ những lĩnh vực áp dụng quy định riêng của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>Tại dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc chung tại khoản 1 “Điều 52. Tổ chức thực hiện” về việc “<i>Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo</i></p>
---	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

<p>vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, các văn bản hướng dẫn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.</p> <p>4. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc tuân thủ theo quy định của Nghị định này, phải tuân thủ quy định về giới hạn huy động vốn, thẩm quyền huy động vốn, mục đích huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp.</p> <p>5. Các hành vi vi phạm về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này của các tổ chức, cá nhân có liên quan bị xử phạt theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán, thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và các văn bản hướng dẫn. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp với quy định của Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp.</p> <p>4. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc tuân thủ theo quy định của Nghị định này, phải tuân thủ quy định về <i>nguyên tắc</i> huy động vốn, thẩm quyền huy động vốn, mục đích huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp.</p>	<p><i>các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó</i>", không quy định nội dung này tại từng nội dung cụ thể.</p> <p>Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025 (có hiệu lực từ 01/8/2025), theo đó Luật này quy định về nguyên tắc huy động vốn (Điều 19), không có quy định về giới hạn huy động vốn.</p> <p>Chuyển quy định tại khoản 1 Điều 48. Xử lý vi phạm - Chương VII về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp tại Nghị định</p>
<p>5 Điều 4. Giải thích từ ngữ Ngoài các từ ngữ quy định tại Luật</p>	<p>Điều 4. Giải thích từ ngữ Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây</p>	<p>Nghị định hướng dẫn Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp; sử dụng từ ngữ của</p>

Chúng khoán số 54/2019/QH14, trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Trái phiếu doanh nghiệp” là loại chứng khoán có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do doanh nghiệp phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần nợ của doanh nghiệp phát hành.

2. “Trái phiếu doanh nghiệp xanh” là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành để đầu tư cho dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

3. “Trái phiếu chuyển đổi” là loại hình trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của chính doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

4. “Trái phiếu có bảo đảm” là loại hình trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài

được hiểu như sau:

1. *Trái phiếu doanh nghiệp* là loại chứng khoán có kỳ hạn từ 01 năm trở lên do doanh nghiệp phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần nợ của doanh nghiệp phát hành.

2. *Trái phiếu doanh nghiệp xanh* là trái phiếu doanh nghiệp được phát hành để huy động vốn cho hoạt động bảo vệ môi trường, dự án đầu tư mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

3. *Trái phiếu chuyển đổi* là loại hình trái phiếu do công ty cổ phần phát hành, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của chính doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

4. *Trái phiếu có bảo đảm* là loại hình trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật.

nhiều pháp luật liên quan (pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật tín dụng, pháp luật bảo vệ môi trường...) nên việc quy định “ngoài các từ ngữ quy định tại Luật chứng khoán...” không đảm bảo tính đầy đủ. Việc quy định giải thích các từ ngữ trong Nghị định này đã đảm bảo đầy đủ, phù hợp.

Quy định để đảm bảo phù hợp với quy định về trái phiếu xanh tại khoản 1 Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật.³

5. “Trái phiếu kèm chứng quyền” là loại hình trái phiếu được công ty cổ phần phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

6. “Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện” là tổ chức được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải là công ty đại chúng; là tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đối với doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

~~7. “Tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu” là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức là thành viên lưu ký của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện dịch vụ đăng ký,~~

5. *Trái phiếu kèm chứng quyền* là loại hình trái phiếu được công ty cổ phần phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của doanh nghiệp phát hành theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu.

6. *Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện* là tổ chức được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị có lợi ích công chúng theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập đối với doanh nghiệp phát hành là công ty không phải là công ty đại chúng; là tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo quy định tại khoản 22 Điều 4 Luật Chứng khoán đối với doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

³ Khoản này được SĐ, BS tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định 65/2022/NĐ-CP

⁴ Khoản này bị bãi bỏ theo Điều 2 Nghị định 65/2022/NĐ-CP

lưu ký trái phiếu doanh nghiệp.

8. “Hoán đổi trái phiếu” là việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu để hoán đổi cho trái phiếu đang lưu hành của chính doanh nghiệp đó tại cùng một thời điểm để cơ cấu lại danh mục nợ.

9. “Mua lại trái phiếu trước hạn” là việc doanh nghiệp mua lại trái phiếu đã phát hành của chính doanh nghiệp trước ngày đáo hạn.

10. “Ngày phát hành trái phiếu” là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành đối với trái phiếu. Trái phiếu trong một đợt chào bán có cùng ngày phát hành.

11. “Ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu” là ngày doanh nghiệp phát hành hoàn thành việc phân phối trái phiếu và thu tiền mua trái phiếu từ các nhà đầu tư.

7. *Hoán đổi trái phiếu* là việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu để hoán đổi cho trái phiếu đang lưu hành của chính doanh nghiệp đó tại cùng một thời điểm để cơ cấu lại danh mục nợ.

8. *Mua lại trái phiếu trước hạn* là việc doanh nghiệp mua lại trái phiếu đã phát hành của chính doanh nghiệp trước ngày đáo hạn.

9. *Ngày bắt đầu đợt chào bán* là ngày bắt đầu việc thu tiền mua trái phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư.

10. *Ngày kết thúc đợt chào bán* là ngày doanh nghiệp phát hành hoàn thành việc phân phối trái phiếu và kết thúc việc thu tiền mua trái phiếu được chào bán từ các nhà đầu tư. Ngày kết thúc đợt chào bán là ngày xác nhận nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp phát hành đối với trái phiếu được chào bán.

13. *Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ* là hệ thống giao dịch cho trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ do Sở giao dịch chứng khoán tổ chức, vận hành.

Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

Quy định các khái niệm về “*ngày bắt đầu đợt chào bán*” và “*ngày kết thúc đợt chào bán*” để làm căn cứ xác định các quyền, nghĩa vụ phát sinh đối với các chủ thể tham gia vào hoạt động phát hành TPDN.

- Nội hàm của khái niệm “*ngày phát hành trái phiếu*” tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP được quy định tại khái niệm “*ngày bắt đầu đợt chào bán*”;

- Nội hàm của khái niệm “*ngày hoàn thành đợt chào bán*” tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được quy định tại khái niệm “*ngày kết thúc đợt chào bán*”. Việc quy định bảo đảm rõ ràng và tương đồng với Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Nghị định quy định bổ sung một số nội dung về đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu, trong đó có các quy định liên quan đến hệ thống giao dịch trái phiếu

			doanh nghiệp riêng lẻ nên cần thiết phải bổ sung quy định về khái niệm này.
6	<p>Điều 5. Nguyên tắc phát hành và sử dụng trái phiếu</p> <p>1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ.</p> <p>“2. Mục đích phát hành trái phiếu là để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp hoặc mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Doanh nghiệp phải nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Việc sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp phải đảm bảo đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.”⁵</p>	<p>Điều 5. Nguyên tắc phát hành và sử dụng trái phiếu</p> <p>1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo nguyên tắc tự vay, tự trả, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo khả năng trả nợ, <i>chịu trách nhiệm đối với mọi tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc phát hành, sử dụng vốn, trả nợ gốc, lãi trái phiếu.</i></p> <p>2. Mục đích phát hành trái phiếu <i>doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước</i> là để thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp hoặc mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>Doanh nghiệp phải nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành theo quy định tại Điều 11 Nghị định này và công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Doanh nghiệp phải sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu phải đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền thông qua và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư. Nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được doanh nghiệp theo dõi riêng, đảm bảo</p>	<p>Bổ sung quy định doanh nghiệp “<i>chịu trách nhiệm đối với mọi tranh chấp, khiếu nại liên quan đến việc phát hành, sử dụng vốn, trả nợ gốc, lãi trái phiếu</i>” để đảm bảo quy định nguyên tắc phát hành rõ ràng, đầy đủ về trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành để doanh nghiệp và nhà đầu tư nắm rõ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ nội dung quy định về mục đích phát hành chỉ áp dụng đối với việc phát hành tại thị trường trong nước. Việc phát hành trái phiếu ra quốc tế thì tuân thủ quy định tại thị trường phát hành. - Làm rõ mục đích phát hành để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, đảm bảo rõ ràng khi áp dụng. - Làm rõ chủ thể phải tuân thủ việc sử dụng vốn từ trái phiếu của doanh nghiệp phải đúng theo mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn đã được cấp có thẩm quyền thông qua. - Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung quy định rõ nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được doanh nghiệp theo dõi riêng, đảm bảo sử dụng vốn và quản lý

⁵ Khoản này được SĐ, BS theo Khoản 2 Điều 1 NĐ 65/2022/NĐ-CP

sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và nội dung công bố, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư. Quy định này giúp minh bạch nguồn tiền thu được từ đợt chào bán với các nguồn tiền khác của doanh nghiệp, vừa tăng cường kỷ luật tài chính, giúp doanh nghiệp thuận tiện hơn trong việc theo dõi, quản lý nguồn tiền và việc sử dụng vốn đúng mục đích phát hành, vừa củng cố niềm tin của nhà đầu tư doanh nghiệp phát hành, góp phần nâng cao tính minh bạch và an toàn của thị trường.

Nội dung quy định trái phiếu xanh phải được “hạch toán riêng” là quy định liên quan đến hoạt động kế toán của doanh nghiệp; không phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Nghị định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp.

Nghị định số 153/2020/NĐ-CP chưa quy định việc doanh nghiệp được thay đổi phương án sử dụng vốn, dẫn đến vướng mắc trong thực tiễn khi doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh nhằm tối ưu dòng tiền, bảo đảm quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư và phục vụ hoạt động sản xuất,

3. Đối với phát hành trái phiếu xanh, ngoài các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được hạch toán, quản lý theo dõi riêng và giải ngân cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo phương án phát hành đã được phê duyệt.

“4. Đối với trái phiếu đã phát hành tại thị trường trong nước, doanh nghiệp chỉ được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu quy định tại Điều 6 Nghị định này khi đáp ứng các quy định sau:
a) Được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua;

3. Đối với phát hành trái phiếu xanh, ngoài các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được theo dõi, sử dụng cho các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và phương án phát hành đã được phê duyệt.

4. Đối với trái phiếu phát hành tại thị trường trong nước, doanh nghiệp chỉ được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán khi đáp ứng các quy định sau:

a) Được cấp có thẩm quyền của doanh

	<p>b) Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận; 5. Thông tin về việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phải được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.”⁶</p>	<p>ng nghiệp phát hành thông qua; b) Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.</p> <p>5. Đối với người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận).</p>	<p>kinh doanh. Để tối ưu hóa dòng vốn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động hơn trong việc sử dụng vốn, Nghị định bổ sung quy định doanh nghiệp được thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán khi cần thiết nhưng vẫn đảm bảo sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp và người sở hữu trái phiếu.</p>
7.	<p>Điều 6. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu 1. Kỳ hạn trái phiếu: do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 6. Điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu 1. Kỳ hạn trái phiếu: do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp.</p>	<p>Nội dung này được kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.</p>

⁶ Khoản 4, 5 được BS theo khoản 3 Điều 1 NĐ 65/2022/NĐ-CP

2. Khối lượng phát hành: do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp.

3. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu

a) Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là đồng Việt Nam.

b) Đối với trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là ngoại tệ theo quy định tại thị trường phát hành và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

4. Mệnh giá trái phiếu

a) Trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, mệnh giá là một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam hoặc bội số của một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam.⁷

b) Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, mệnh giá thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.

2. Giá trị phát hành: do doanh nghiệp phát hành quyết định đối với từng đợt chào bán căn cứ vào mục đích, nhu cầu sử dụng vốn của doanh nghiệp, tuân thủ quy định của Nghị định này và pháp luật liên quan.

3. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu

a) Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là đồng Việt Nam.

b) Đối với trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, đồng tiền phát hành, thanh toán lãi, gốc trái phiếu là ngoại tệ theo quy định tại thị trường phát hành và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối.

4. Mệnh giá trái phiếu

a) Trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, mệnh giá là một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam hoặc bội số của một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam.

b) Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, mệnh giá thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.

5. Hình thức trái phiếu

- Bổ sung nội dung giá trị phát hành căn cứ vào mục đích phát hành theo kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận số 276/KL-TTCP ngày 05/8/2025;

- Bổ sung nội dung “*tuân thủ quy định... của pháp luật liên quan*” do Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 đã quy định về điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ của doanh nghiệp. Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

⁷ Điểm này được SD, BS theo Khoản 4 Điều 1 NĐ 65/2022/NĐ-CP

5. Hình thức trái phiếu

a) Trái phiếu được chào bán dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

b) Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu

a) Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức: lãi suất cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu; lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi.

b) Trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể cơ sở tham chiếu để xác định lãi suất danh nghĩa tại phương án phát hành và công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu về cơ sở tham chiếu được sử dụng.

c) Doanh nghiệp phát hành quyết định lãi suất danh nghĩa cho từng đợt chào bán phù hợp với tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ. Lãi suất trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành ngoài việc tuân thủ quy định tại Nghị định này phải phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt

a) Trái phiếu được chào bán dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử.

b) Doanh nghiệp phát hành quyết định cụ thể hình thức trái phiếu đối với mỗi đợt chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.

6. Lãi suất danh nghĩa trái phiếu

a) Lãi suất danh nghĩa trái phiếu có thể xác định theo một trong các phương thức: lãi suất cố định cho cả kỳ hạn trái phiếu; lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi.

b) Trường hợp lãi suất danh nghĩa là lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể cơ sở tham chiếu để xác định lãi suất danh nghĩa tại phương án phát hành và công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

c) Doanh nghiệp phát hành quyết định lãi suất danh nghĩa cho từng đợt chào bán phù hợp với tình hình tài chính và khả năng thanh toán nợ. Lãi suất trái phiếu do tổ chức tín dụng phát hành ngoài việc tuân thủ quy định tại Nghị định này phải phù hợp với quy định về lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Sửa để tránh lặp ý trong cùng một nội dung.

	<p>Nam.</p> <p>7. Loại hình trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn và thông lệ thị trường phát hành để công bố cho nhà đầu tư trước khi chào bán trái phiếu.</p>	<p>7. Loại hình trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu do doanh nghiệp phát hành quyết định căn cứ vào nhu cầu sử dụng vốn và thông lệ thị trường phát hành để công bố cho nhà đầu tư trước khi chào bán trái phiếu.</p>	
8	Điều 7. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu⁸	Điều 13. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu	<p>- Chuyển quy định tại Chương II - Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước (Điều 13) để đảm bảo rõ ràng khi áp dụng. Các nội dung quy định cụ thể chỉ phù hợp áp dụng cho thị trường trong nước; việc mua lại trái phiếu khi phát hành ra quốc tế áp dụng theo quy định tại thị trường phát hành.</p>
	<p>1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu. Riêng đối với mua lại trước hạn trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, khi thực hiện phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi được mua lại.</p>	<p>1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trước hạn theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi được mua lại.</p>	<p>- Chuyển nội dung về trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế tại Chương II</p>
	<p>2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại</p>	<p>2. Cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại trái phiếu trước hạn</p>	<p>Sửa để thống nhất từ ngữ trong cùng một nội dung.</p>

⁸ Điều này được SĐ, BS theo Khoản 5 Điều 1 NĐ 65

	trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu, ngoại trừ trường hợp bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.	hoặc hoán đổi trái phiếu, ngoại trừ trường hợp bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.	
	<p>3. Các trường hợp mua lại trái phiếu trước hạn bao gồm:</p> <p>a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu.</p> <p>b) Bắt buộc mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. - Doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. - Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 13 Nghị định này (nếu 	<p>3. Các trường hợp mua lại trái phiếu trước hạn bao gồm:</p> <p>a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu hoặc các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 11 Nghị định này (nếu có);</p> <p>b) Bắt buộc mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. - Doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. - Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu (nếu có). 	<p>Bổ sung quy định mua lại trong trường hợp được nêu cụ thể tại phương án phát hành để đảm bảo tính đầy đủ.</p>

	<p>có).</p> <p>4. Quy định tại điểm b khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp trái phiếu bị thu hồi theo quyết định của cấp có thẩm quyền.</p>	<p>4. Quy định tại điểm b khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp trái phiếu bị thu hồi theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	
9	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu báo cáo. Tổ chức, cá nhân tham gia xác nhận hồ sơ, tài liệu báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo đó. Hồ sơ, tài liệu báo cáo phải bảo đảm thông tin rõ ràng, không gây hiểu nhầm và có đầy đủ những nội dung quan trọng ảnh hưởng đến quyết định của cơ quan, tổ chức và nhà đầu tư.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trên cơ sở hồ</p>	<p>Bổ sung mới Điều 8 quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu, báo cáo, phù hợp với các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15) để phân định rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia lập, xác nhận hồ sơ, báo cáo liên quan đến hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý hồ sơ; trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan (tổ chức tư vấn hồ sơ, đại lý phát hành, tổ chức xếp hạng tín nhiệm, tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đủ điều kiện, người ký báo cáo kiểm toán, soát xét).</p>

sơ được cung cấp; không chịu trách nhiệm về những vi phạm của tổ chức, cá nhân xảy ra trước và sau khi nộp hồ sơ hợp lệ. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ, tài liệu báo cáo có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức tư vấn hồ sơ thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành và có trách nhiệm sau:

a) Trung thực, cẩn trọng và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động tư vấn hồ sơ;

b) Có trách nhiệm rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ, bảo đảm việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý và cẩn trọng trên cơ sở các thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp, phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi tư vấn liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo.

4. Tổ chức đại lý phát hành thực hiện phân phối theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành và có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật trong hoạt động phân phối trái phiếu.

5. Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đủ điều kiện, người ký báo cáo kiểm toán hoặc soát xét phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập; tuân thủ chuẩn mực kiểm toán khi kiểm toán báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm đối với ý kiến về tính trung thực, hợp lý của các báo

cáo, số liệu được kiểm toán; tuân thủ chuẩn mực về hợp đồng dịch vụ đảm bảo.

6. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện theo hợp đồng cung cấp dịch vụ ký kết với doanh nghiệp phát hành. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm, người lý chứng thư thẩm định giá có trách nhiệm:

a) Bảo đảm độc lập, khách quan, trung thực, minh bạch khi cung cấp dịch vụ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi cung cấp dịch vụ;

b) Bảo đảm việc phân tích, nhận định, đưa ra đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm, kết quả thẩm định giá được thực hiện hợp lý và cân trọng trên cơ sở thu thập thông tin, số liệu, tài liệu được cung cấp và trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật về xếp hạng tín nhiệm, thẩm định giá, pháp luật có liên quan và quy định tại Nghị định này.

7. Việc nộp và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Nghị định này được thực hiện thông qua các cách thức theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia. Khi sử dụng tài khoản định danh điện tử để giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị định này thì

Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và phù hợp với chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dự thảo Nghị định bổ sung các quy định nhằm chuẩn hóa phương thức nộp hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng điện tử, đồng bộ với pháp luật về thủ tục hành chính và định danh điện tử.

Dự thảo Nghị định kế thừa 02 thủ tục hành chính đang được quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, bao gồm: (i) thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ; (ii) thủ tục thông báo chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của các đối tượng trên. Hai thủ tục này được đánh giá là cần thiết, không phát sinh thêm nguồn lực thi hành, do đó không thuộc diện cắt giảm, đơn giản hóa.

Để đồng bộ với pháp luật về cải cách thủ tục hành chính và tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục thuận lợi hơn, dự thảo Nghị định bổ sung quy định tại khoản 6 Điều 8.

		thông tin về danh tính điện tử, thông tin tích hợp trên căn cước điện tử, tài khoản định danh điện tử có giá trị chứng minh tương đương với việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng, xuất trình giấy tờ, tài liệu có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính.	
	Chương II. Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước	Chương II. Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước	
	Mục 1. Chào bán trái phiếu	Mục 1. Nguyên tắc chung	
10	<p>Điều 8. Nhà đầu tư mua trái phiếu⁹</p> <p>1. Đối tượng mua trái phiếu</p> <p>a) Đối với trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p> <p>b) Đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền: đối tượng mua trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược, trong đó số lượng nhà đầu tư chiến lược phải đảm bảo dưới 100 nhà đầu tư.</p> <p>c) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là nhà đầu tư có năng lực tài chính hoặc có trình độ chuyên môn về chứng khoán theo quy định tại Điều 11</p>	<p>Điều 9. Nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu</p> <p>1. Đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu:</p> <p>a) Đối với trái phiếu không chuyển đổi, trái phiếu không kèm chứng quyền: đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;</p> <p>b) Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền: đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, nhà đầu tư chiến lược;</p> <p>c) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số</p>	<p>Tại Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 đã sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng NĐT chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ. Theo đó: Luật Doanh nghiệp¹⁰ quy định <i>NĐT chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ theo pháp luật chứng khoán</i>. Luật Chứng khoán¹¹ quy định NĐT chuyên nghiệp là tổ chức được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng các loại TPDN riêng lẻ; NĐT chuyên nghiệp là cá nhân chỉ được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng TPDN riêng lẻ đối với trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm (XHTN) và tài sản đảm bảo hoặc có XHTN và bảo lãnh thanh toán đối với</p>

⁹ Điều này được SD, BS theo Khoản 6 Điều 1 NĐ 65

¹⁰ Khoản 2 Điều 128 Luật Doanh nghiệp, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a Khoản 19 Điều 1 Luật số 76/2025/QH15

¹¹ Khoản 1a, 1b Điều 11 Luật Chứng khoán, được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật theo Luật số 56/2024/QH15

Luật Chứng khoán. Tổ chức có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP), ngoại trừ việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp quy định tại điểm d khoản này.

56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm a và điểm b khoản này;

d) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán đã được bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15 được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ, trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng

trái phiếu đó. Riêng đối với đối tượng là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán¹², khi thực chào bán *trái phiếu chuyển đổi* riêng lẻ thì đối tượng tham gia áp dụng như đối với chào bán cổ phiếu riêng lẻ bao gồm NĐT chiến lược, NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức và cá nhân.

Đề bảo đảm phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp về đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với từng loại trái phiếu, tại dự thảo Nghị định đã quy định:

- Đối với công ty chưa đại chúng (theo Luật doanh nghiệp) không phân biệt loại TPDN phát hành riêng lẻ là trái phiếu thường, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, khi chào bán riêng lẻ cho NĐT chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân thì phải có XHTN và có tài sản đảm bảo/có bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc, lãi đối với trái phiếu đó theo đúng quy định tại khoản 1a, 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15.

- Đối với công ty đại chúng, công ty

¹² Điều 31 Luật Chứng khoán về chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15

<p>9 d) Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán để mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải đảm bảo danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch do nhà đầu tư</p>	<p>khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong trường hợp trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có tài sản đảm bảo hoặc trái phiếu có xếp hạng tín nhiệm và có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15. Tài sản bảo đảm hoặc bảo lãnh thanh toán phải bảo đảm thanh toán toàn bộ lãi, gốc của trái phiếu. Tài sản bảo đảm không bao gồm cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, phần vốn góp của chính doanh nghiệp phát hành;</p> <p>đ) Nhà đầu tư chiến lược tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ quy định tại điểm b khoản này là nhà đầu tư do Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm. Số lượng nhà đầu tư chiến lược tham gia một đợt chào bán không quá 100 nhà đầu tư chiến lược.</p> <p>2. Việc xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện như sau:</p> <p>a) Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31</p>	<p>chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (theo Luật Chứng khoán), NĐT chuyên nghiệp là cá nhân tham gia, giao dịch, chuyển nhượng TPDN chuyển đổi riêng lẻ áp dụng như đối với chào bán cổ phiếu riêng lẻ (không bắt buộc phải có XHTN và có tài sản đảm bảo/có bảo lãnh thanh toán đối với trái phiếu) theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15; khi phát hành trái phiếu thường, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ cho NĐT cá nhân thì phải có XHTN và có tài sản đảm bảo/bảo lãnh thanh toán toàn bộ gốc, lãi đối với trái phiếu đó theo quy định tại khoản 1a, 1b Điều 11 Luật Chứng khoán được bổ sung theo Luật số 56/2024/QH15.</p> <p>- Đối với việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân, kê thừa quy định sửa đổi tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi bởi Nghị định số 65/2022/NĐ-CP).</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

nắm giữ có giá trị tối thiểu 02 tỷ đồng được xác định bằng giá trị thị trường bình quân theo ngày của danh mục chứng khoán trong thời gian tối thiểu 180 ngày liền kề trước ngày xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, không bao gồm giá trị vay giao dịch ký quỹ và giá trị chứng khoán thực hiện giao dịch mua bán lại. Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại điểm này có giá trị trong vòng 03 tháng kể từ ngày được xác nhận.¹³

tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, ngoại trừ quy định tại điểm b khoản này;

b) Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán để mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ phải đảm bảo danh mục chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch do nhà đầu tư nắm giữ có giá trị tối thiểu 02 tỷ đồng được xác định bằng giá trị thị trường bình quân theo ngày của danh mục chứng khoán trong thời gian tối thiểu 180 ngày liền kề trước ngày xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, không bao gồm giá trị vay giao dịch ký quỹ và giá trị chứng khoán thực hiện giao dịch mua bán lại. Việc xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại điểm này có giá trị trong vòng 03 tháng kể từ ngày được xác nhận.

3. Tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu.

a) Tổ chức có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và tài liệu xác định nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số

¹³ Điểm này ngưng hiệu lực thi hành đến hết 31/12/2023 theo K1 Điều 3 NĐ 08/2023/NĐ-CP

155/2020/NĐ-CP;

b) Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của doanh nghiệp phát hành về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật chứng khoán;

c) Tổ chức xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu có trách nhiệm ký xác nhận vào văn bản xác nhận của nhà đầu tư trước khi mua trái phiếu theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định tư cách nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu.

2. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành trước khi quyết định mua và giao dịch trái phiếu.

b) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư, giao dịch trái phiếu; hiểu rõ và đảm bảo tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

4. Trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Tiếp cận đầy đủ hồ sơ chào bán trái phiếu, nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành; hiểu rõ điều kiện, điều khoản trái phiếu và các cam kết khác của doanh nghiệp phát hành trước khi quyết định mua và giao dịch trái phiếu;

b) Hiểu rõ về các rủi ro phát sinh trong việc mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu; hiểu rõ và tuân thủ quy định về đối tượng nhà đầu tư mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại

Nội dung này kế thừa quy định tại Điều 34 Chương II Nghị định số 153/2020/NĐ-CP (có điều chỉnh một số câu chữ). Tuy nhiên, về mặt kết cấu, không quy định riêng thành Điều như tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP mà chuyển quy định tại Điều về nhà đầu tư mua, giao dịch và chuyển nhượng trái phiếu để đảm bảo tính tổng hợp, thống nhất, dễ tiếp cận khi áp dụng.

c) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu. Nhà nước không đảm bảo việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

d) Trước khi mua trái phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), nhà đầu tư phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này và tự chịu trách nhiệm đối với quyết định mua trái phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận này. Văn bản xác nhận thực hiện theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và phải được lưu trữ tại hồ sơ chào bán khi phát hành trái phiếu hoặc tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 16 Nghị định này; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư trái phiếu với nhà đầu tư không phải là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dưới mọi hình thức. Việc huy động vốn và mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng,

Nghị định này;

c) Tự đánh giá, tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình và tự chịu các rủi ro phát sinh trong việc đầu tư và giao dịch trái phiếu. Nhà nước không bảo đảm việc doanh nghiệp phát hành trái phiếu thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn và các quyền khác cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

d) Trước khi mua trái phiếu (cả trên thị trường sơ cấp và thứ cấp), nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b, c khoản này và tự chịu trách nhiệm về quyết định mua trái phiếu của mình sau khi ký văn bản xác nhận. Văn bản xác nhận theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này phải được lưu trữ tại hồ sơ chào bán trái phiếu hoặc tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 22 Nghị định này; không được bán hoặc cùng góp vốn đầu tư trái phiếu dưới mọi hình thức với nhà đầu tư không thuộc đối tượng được tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và quy định tại Nghị định này. Việc mua, giao

chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

e) Khi bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

3. Quyền lợi của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định này; được quyền tiếp cận hồ sơ chào bán trái phiếu khi có yêu cầu.

b) Được doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu và các thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành.

c) Được yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.

dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và công ty quản lý quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

e) Trường hợp bán trái phiếu trên thị trường thứ cấp, người bán trái phiếu phải cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

g) Sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt khi thực hiện mua, bán, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.

5. Quyền lợi của nhà đầu tư mua trái phiếu

a) Được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin đầy đủ, cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này;

b) Được doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi, gốc trái phiếu khi đến hạn, thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu và các thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành;

c) Được yêu cầu doanh nghiệp phát hành mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

d) Được yêu cầu người bán trái phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại

Bổ sung quy định để bảo đảm tiền mua, bán, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu doanh nghiệp của nhà đầu tư có bằng chứng, kiểm soát được.

Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, có bổ sung quy định về việc nhà đầu tư khi mua trái phiếu được quyền cung cấp đầy đủ hồ sơ chào bán trái phiếu để đảm bảo tiếp cận đầy đủ thông tin về trái phiếu khi quyết định đầu tư.

d) Được yêu cầu người bán trái phiếu cung cấp đầy đủ nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định này khi mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp.

4. Trường hợp nhà đầu tư vi phạm quy định của pháp luật sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc xử lý hình sự tùy theo tính chất và mức độ vi phạm.

Chưa quy định.

Nghị định này khi mua trái phiếu trên thị trường thứ cấp.

Điều 10. Việc mở và sử dụng tài khoản phong tỏa

1. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải mở 01 tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng phải lựa chọn một ngân hàng khác hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài để mở tài khoản phong tỏa.

Doanh nghiệp phát hành không được sử dụng tiền trong tài khoản phong tỏa dưới bất cứ hình thức nào cho đến khi kết thúc đợt chào bán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán từ Ủy

Chuyên quy định tại Chương VII. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại

Nội dung này kế thừa quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP liên quan đến việc chào bán TPDN chuyển đổi, kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Tuy nhiên kết cấu riêng thành 01 điều để dễ theo dõi, áp dụng.

	<p>ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p>2. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi tài khoản phong tỏa được mở không phải là người có liên quan của doanh nghiệp phát hành. Tài khoản phong tỏa không được trùng với tài khoản thanh toán của doanh nghiệp phát hành.</p>	
	<p>Mục 2: Chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</p>	<p>- Nghị định chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp là văn bản quy định chi tiết 02 luật là Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán và tại Luật doanh nghiệp (Điều 128, 129, 130) và Luật chứng khoán (Điều 30, Điều 31) đều đã có các quy định xác định nguyên tắc về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, về điều kiện, đối tượng tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu...</p> <p>Do đó, Nghị định quy định tách biệt theo nhóm đối tượng phát hành TPDN riêng lẻ thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Chứng khoán (công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán) và các doanh nghiệp phát hành khác thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp để bảo đảm rõ ràng trong quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật; đồng thời thuận lợi cho công tác quản lý, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức; phù hợp với quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp</p>

			<p>dụng của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp; đảm bảo nguyên tắc xây dựng văn bản tại Điều 5 Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật “<i>Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật</i>”.</p> <p>- Chương II của Nghị định được kết cấu lại theo hướng tách bạch nội dung về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng và đối tượng là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</p>
11	<p>Điều 9. Điều kiện chào bán trái phiếu 1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền (không bao gồm việc chào bán trái phiếu của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng), doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam. b) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có); trừ trường hợp chào bán trái</p>	<p>Điều 14. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán 1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền: a) Doanh nghiệp là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; b) Thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành và đến hạn thanh toán hoặc thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đợt phát hành trái phiếu (nếu có); trừ trường hợp chào bán trái phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn; c) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ</p>	<p>Nội dung này kế thừa nội dung tại Điều 10 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, bổ sung thêm quy định về tỷ lệ nợ trên vốn chủ theo quy định tại điểm c1 khoản 3 Điều 128 Luật Doanh nghiệp.</p>

<p>phiếu cho chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn.</p> <p>c) Đáp ứng các tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>d) Có phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.</p> <p>đ) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>e) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định này.</p> <p>2. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng: doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều này.</p> <p>3. Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền:</p> <p>a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần.</p> <p>b) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 Nghị định này.</p>	<p>bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành;</p> <p>d) Có nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành) không vượt quá 05 lần vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành theo báo cáo tài chính năm quy định tại điểm e khoản này, ngoại trừ tổ chức phát hành là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện dự án bất động sản, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, chỉ tiêu nợ phải trả (bao gồm giá trị trái phiếu dự kiến phát hành), vốn chủ sở hữu được căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó vốn chủ sở hữu không bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát;</p> <p>đ) Có phương án phát hành trái phiếu được phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 14 Nghị định này;</p> <p>e) Có báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này;</p> <p>g) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị</p>	
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

<p>c) Đáp ứng các điều kiện chào bán quy định tại điểm b, điểm c, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này.</p> <p>d) Các đợt chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán gần nhất.</p> <p>đ) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p>	<p>định này.</p> <p>2. Đối với trái phiếu chuyên đổi, trái phiếu kèm chứng quyền:</p> <p>a) Doanh nghiệp là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam;</p> <p>b) Đáp ứng điều kiện chào bán quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này;</p> <p>c) Đối tượng tham gia đợt chào bán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định này (đối với trái phiếu chuyên đổi) hoặc theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 Nghị định này (đối với trái phiếu kèm chứng quyền).</p>	
	<p>Điều 17. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</p> <p>1. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyên đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật Chứng khoán.</p> <p>2. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyên đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Luật Chứng khoán.</p> <p>3. Điều kiện chào bán trái phiếu chuyên đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty</p>	<p>Dẫn chiếu điều kiện chào bán của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Luật số 56/2024/QH15.</p>

		<p>quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:</p> <p>a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán;</p> <p>b) Các đợt chào bán, phát hành chứng khoán riêng lẻ phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ.</p>	
12	<p>Điều 10. Điều kiện chào bán trái phiếu thành nhiều đợt</p> <p>1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Các điều kiện chào bán quy định tại Điều 9 Nghị định này;</p> <p>b) Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được phê duyệt theo</p>	<p>¹⁵3. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, tổ chức tín dụng còn phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <p>a) Có nhu cầu huy động vốn thành nhiều đợt phù hợp với mục đích phát hành trái phiếu được phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 131 Nghị định này;</p> <p>b) Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về giá trị, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào</p>	<p>- Điều 10 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP hiện cho phép doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ thành nhiều đợt khi có nhu cầu huy động vốn theo tiến độ sử dụng vốn. Tuy nhiên, qua thực tiễn triển khai, việc chia nhỏ đợt phát hành dẫn đến tình trạng kéo dài thời gian phân phối, gây rủi ro trong minh bạch thông tin, theo dõi mục đích sử dụng vốn và giám sát tình trạng tài chính của doanh</p>

¹⁵ Điều 14. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

<p>quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định này;</p> <p>c) Có phương án phát hành trái phiếu trong đó dự kiến cụ thể về khối lượng, thời điểm và kế hoạch sử dụng vốn của từng đợt chào bán.</p> <p>2. Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.¹⁴</p>	<p>bán;</p> <p>c) Thời gian phân phối trái phiếu của từng đợt chào bán không vượt quá 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào bán. Tổng thời gian chào bán trái phiếu thành nhiều đợt tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày phát hành của đợt chào bán đầu tiên.</p>	<p>ngiệp. Việc phát hành nhiều đợt cũng làm tăng áp lực đối với doanh nghiệp trong công bố thông tin, quản lý dòng tiền và tuân thủ điều kiện phát hành. Trong khi đó, tổ chức tín dụng là loại hình doanh nghiệp có cơ chế quản lý, giám sát đặc thù theo pháp luật chuyên ngành, bao gồm yêu cầu về giới hạn an toàn vốn, tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động và quản lý rủi ro, đồng thời chịu sự giám sát liên tục của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động huy động và sử dụng vốn. Do vậy, tổ chức tín dụng có năng lực và điều kiện để thực hiện phát hành trái phiếu theo nhiều đợt bảo đảm an toàn. Vì vậy, dự thảo Nghị định quy định chỉ cho phép tổ chức tín dụng phát hành TPDN theo nhiều đợt nhằm phù hợp với cơ chế quản lý, giám sát đặc thù của pháp luật về các tổ chức tín dụng; đồng thời hạn chế rủi ro khi áp dụng phương thức này đối với doanh nghiệp không có cơ chế giám sát tương đương. Quy định này góp phần bảo đảm an toàn thị trường và nâng cao trách nhiệm của tổ chức phát hành trong hoạt động phát hành trái phiếu riêng lẻ.</p> <p>- Về kết cấu: do nội dung về điều kiện chào bán đã được kết cấu lại như nêu tại thuyết minh đối với Điều 9 Nghị định</p>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

¹⁴ SĐ, BS theo Khoản 7 Điều 1 NĐ 65; Ngưng hiệu lực đến ngày 31/12/2023 theo K2 Điều 3 NĐ 08/2023/NĐ-CP

			153/2020/NĐ-CP. Theo đó, chuyển kết cấu nội dung này tại “ Điều 14. Điều kiện chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán”.
13.	<p>Điều 11. Quy trình chào bán trái phiếu</p> <p>1. Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền của công ty đại chúng và công ty không phải là công ty đại chúng; chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty không phải là công ty đại chúng (không bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán):</p> <p>a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.</p> <p>b) Doanh nghiệp công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.</p> <p>c) <i>Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo các phương thức quy định tại Điều 14 Nghị định này. Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố thông tin trước đợt chào</i></p>	<p>Điều 16. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</p> <p>1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 14 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.</p> <p>2. Doanh nghiệp phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu đến Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp) theo Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong phạm vi địa phương.</p> <p>3. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu (ngày bắt đầu đợt chào bán), doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và gửi bản công bố thông tin trước đợt</p>	<p>- Chương II Nghị định kết cấu phân chia theo điều kiện, hồ sơ chào bán phân chia lần lượt theo đối tượng chào bán và theo loại trái phiếu. Theo đó, nội dung về trình tự, thủ tục chào bán được kết cấu quy định riêng tương ứng để đảm bảo rõ ràng, dễ theo dõi, áp dụng.</p> <p>- Tại Luật Doanh nghiệp (khoản 5 Điều 129) giao Chính phủ quy định chi tiết về loại trái phiếu, hồ sơ, trình tự, thủ tục phát hành và giao dịch trái phiếu riêng lẻ; công bố thông tin; phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế. Luật Chứng khoán (khoản 6 Điều 31) cũng giao Chính phủ quy định chi tiết việc chào bán chứng khoán riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.</p> <p>Tại Nghị định, trình tự, thủ tục chào bán được quy định chi tiết hơn đối với các công việc phải thực hiện của doanh nghiệp phát hành như tự đánh giá điều kiện chào bán, quyết định phương án</p>

*bán trái phiếu.*¹⁶

d) Doanh nghiệp phát hành thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

2. Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng; chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

b) Doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ chào bán trái phiếu quy định tại điểm a khoản này đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, doanh nghiệp công bố thông tin trước đợt chào bán và tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này. Số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa

chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán để tổng hợp, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Công bố thông tin trước đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

4. Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này.

5. Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương thức phát hành được công bố trong Bản công bố thông tin trước đợt chào bán. Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu đợt chào bán.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và gửi thông báo kết quả của đợt chào bán cho Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp), Sở giao dịch

phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu; gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán và kết quả đợt chào bán đến Sở Tài chính (nơi đăng ký doanh nghiệp); gửi công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua, cho Sở GDCK; cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

- Chuyển nội dung nhà đầu tư mua trái phiếu ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định để quy định trong trình tự, thủ tục chào bán đảm bảo rõ ràng khi áp dụng.

- Tại Nghị định bổ sung việc doanh nghiệp phát hành không phải công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán gửi thông báo chào bán và thông báo kết quả chào bán cho Sở Tài chính nơi doanh nghiệp đăng ký kinh doanh để Sở Tài chính tổng hợp, theo dõi tình hình chào bán trái phiếu trên địa bàn. Quy định này làm rõ trách nhiệm của doanh nghiệp, trách nhiệm của Sở Tài chính địa phương trong hoạt động trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, giúp hoạt động chào bán trái phiếu được theo dõi đầy đủ hơn.

¹⁶ SD, BS theo Khoản 8 Điều 1 ND 65; Ngưng hiệu lực đến ngày 31/12/2023 theo K3 Điều 3 ND 08/2023/NĐ-CP

mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Việc mở và sử dụng tài khoản phong tỏa áp dụng theo quy định đối với chào bán, phát hành chứng khoán và chào mua công khai quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

d) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, doanh nghiệp báo cáo kết quả chào bán theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ báo cáo kết quả chào bán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo cho doanh nghiệp phát hành, đồng thời đăng lên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả chào bán.

đ) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nhận được báo cáo kết quả chào bán, doanh nghiệp phát hành được giải tỏa số tiền thu được từ chào bán.

e) Doanh nghiệp phát hành thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu.

3. Doanh nghiệp thanh toán lãi, gốc trái

chứng khoán. Thông báo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

Điều 18. Hồ sơ chào bán, trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

...

2. Trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này;

b) Doanh nghiệp phát hành phải gửi thông báo bằng văn bản về việc chào bán trái phiếu đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo mẫu tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại

phiếu và thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định tại Mục 3 và Mục 4 Chương II Nghị định này.

chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Việc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ không hàm ý xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp;

c) Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt chào bán trái phiếu (ngày bắt đầu đợt chào bán), doanh nghiệp phát hành phải gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và cho Sở giao dịch chứng khoán để tổng hợp, báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm);

d) Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này;

đ) Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương thức phát hành được nêu trong Bản cung cấp thông tin trước đợt

chào bán. Doanh nghiệp phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu đợt chào bán;

e) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán theo Mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho các nhà đầu tư đã mua trái phiếu và gửi thông báo kết quả của đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

Điều 20. Trình tự, thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Doanh nghiệp phát hành tự đánh giá điều kiện chào bán theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, quyết định phương án phát hành và lập hồ sơ đăng ký chào bán theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.
2. Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đăng ký chào bán tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo cho doanh nghiệp phát hành về

việc nhận được đầy đủ hồ sơ; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu theo quy định tại Điều 31 Nghị định này và thông báo cho Sở giao dịch chứng khoán.

4. Doanh nghiệp phát hành phải cung cấp hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 19 Nghị định này cho nhà đầu tư mua trái phiếu. Nhà đầu tư mua trái phiếu phải ký văn bản xác nhận đã thực hiện các quy định tại các điểm a, b và c khoản 4 Điều 9 Nghị định này. Văn bản xác nhận thực hiện theo mẫu quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và phải được doanh nghiệp phát hành lưu trữ cùng hồ sơ chào bán trái phiếu.

5. Doanh nghiệp tổ chức chào bán trái phiếu theo phương án phát hành và phải hoàn thành việc phân phối trái phiếu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được đầy đủ hồ sơ. Số tiền thu được từ đợt chào bán phải được chuyển vào tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Điều 10 Nghị định này.

6. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành phải gửi Báo cáo kết quả đợt chào bán theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phát hành, Sở giao dịch chứng khoán về kết quả đợt chào bán. Báo cáo kết quả đợt chào bán phải đồng thời gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với tổ chức tín dụng) hoặc Bộ Tài chính (đối với doanh nghiệp bảo hiểm).

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán cho tổ chức phát hành, đồng thời gửi cho Sở giao dịch chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán. Sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, doanh nghiệp phát hành được yêu cầu ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa

		chấm dứt phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán.	
14	<p>Điều 12. Hồ sơ chào bán trái phiếu</p> <p>1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm lập hồ sơ chào bán để phục vụ cho việc chào bán, giao dịch và thanh toán lãi, gốc trái phiếu.</p> <p>¹⁷2. Hồ sơ chào bán trái phiếu bao gồm các tài liệu cơ bản sau:</p> <p>a) Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này;</p> <p>b) Tài liệu chứng minh việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này;</p> <p>c) Tài liệu công bố thông tin về đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính;</p> <p>d) Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hợp đồng ký kết với tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu; - Hợp đồng ký kết với tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu phù hợp với phương thức phát hành trái phiếu quy định tại Điều 14 Nghị 	<p>Điều 15. Hồ sơ chào bán trái phiếu của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán</p> <p>1. Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này và Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu.</p> <p>2. Tài liệu chứng minh, cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại Điều 14 Nghị định này.</p> <p>3. Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính trong hồ sơ chào bán trái phiếu gồm báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm phát hành và báo cáo tài chính được kiểm toán của công ty mẹ năm trước liền kề năm phát hành.</p>	<p>Nghị định kết cấu phân chia theo điều kiện chào bán phân chia lần lượt theo đối tượng chào bán và theo loại trái phiếu. Theo đó, nội dung về hồ sơ chào bán được kết cấu quy định riêng tương ứng để đảm bảo rõ ràng, dễ theo dõi, áp dụng.</p> <p>Nội dung hồ sơ cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên có chỉnh sửa để phù hợp với quy định pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bỏ quy định về BCTC trong trường hợp doanh nghiệp chào bán trong 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính mà chưa có BCTC năm được kiểm toán để phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 128 (bắt buộc có BCTC năm trước liền kề năm phát hành được kiểm toán); - Bỏ quy định hồ sơ có báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ do các thông tin này đã được doanh nghiệp phát hành công bố đầy đủ trên Cbonds theo quy định của Nghị định này. Nhà đầu tư có thể dễ dàng theo dõi, rà soát;

¹⁷ Khoản 2, 3, 4 được sửa, bổ sung theo Khoản 9 Điều 1 Nghị định 65; điểm e Khoản 2 (kết quả xếp hạng tín nhiệm) ngưng hiệu lực đến 31/12/2023 theo K3 Điều 2 Nghị định 08

định này, ngoại trừ trường hợp tổ chức tín dụng bán trực tiếp cho nhà đầu tư mua trái phiếu;

- Hợp đồng ký kết với đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán (nếu có) để giám sát việc thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành. Trường hợp chào bán trái phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân, hồ sơ chào bán trái phiếu phải bao gồm hợp đồng ký kết với Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán;

- Hợp đồng ký kết với đại lý quản lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có);

- Hợp đồng ký kết với các tổ chức khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có).

đ) Các báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 21 Nghị định này.

e) Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu nếu doanh nghiệp phát hành thuộc các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm và thời điểm áp dụng theo quy định

4. Bản cung cấp tin trước đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này và theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp vụ liên quan đến đợt chào bán trái phiếu, bao gồm:

a) Hợp đồng ký kết với tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu; b) Hợp đồng ký kết với tổ chức đấu thầu, đại lý phát hành trái phiếu (nếu có);

c) Hợp đồng ký kết với Đại diện người sở hữu trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán trong trường hợp trái phiếu có bảo đảm hoặc trái phiếu chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân;

d) Hợp đồng ký kết với đại lý quản lý tài sản bảo đảm đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có). Đại lý quản lý tài sản bảo đảm;

đ) Hợp đồng ký kết với các tổ chức khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có).

6. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.

7. Văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc doanh nghiệp mở tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào

- Sửa đổi quy định trong hồ sơ chào bán trái phiếu yêu cầu kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với các đợt phát hành chào bán cho nhà đầu tư chuyên nghiệp cá nhân;

- Bỏ văn bản xác nhận của nhà đầu tư mua trái phiếu về việc cam kết đã tiếp cận đầy đủ thông tin, nắm rõ trách nhiệm nghĩa vụ của mình do đã đưa nội dung này vào phần quy định về trình tự, thủ tục chào bán (khoản 4 Điều 16 Nghị định);

- Bổ sung quy định về hồ sơ phải có Quyết định của HĐQT, HĐTV, chủ sở hữu doanh nghiệp thông qua hồ sơ chào bán đã đáp ứng đủ điều kiện và các thông tin, tài liệu trong hồ sơ đầy đủ, chính xác, trung thực để đảm bảo tài liệu trong hồ sơ chào bán đã có phê duyệt của cấp có thẩm quyền trước khi cung cấp cho nhà đầu tư. HĐQT, HĐTV, chủ sở hữu doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo hồ sơ đủ điều kiện, thông tin theo quy định.

tại khoản 2 Điều 19 và khoản 3 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

g) Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu;

h) Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

i) Văn bản xác nhận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc doanh nghiệp mở tài khoản để nhận tiền mua trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền hoặc mở tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của đợt chào bán. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là ngân hàng thương mại, phải có văn bản tự xác nhận của ngân hàng đó về việc đã nhận đủ tiền thu từ phát hành trái phiếu;

k) Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h và điểm i khoản này hồ sơ chào bán trái phiếu còn bao gồm:

- Giấy đăng ký chào bán theo mẫu

bán.

8. Đối với trái phiếu có bảo đảm, hồ sơ chào bán trái phiếu còn phải bao gồm:

a) Đối với trường hợp bảo đảm theo phương thức bảo lãnh thanh toán: Văn bản cam kết bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định pháp luật;

b) Đối với trường hợp bảo đảm bằng tài sản: tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản được dùng để bảo đảm thanh toán trái phiếu; cam kết của bên thứ ba sở hữu tài sản bảo đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu (trường hợp bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba); hợp đồng có nghĩa vụ được bảo đảm giữa bên sở hữu tài sản bảo đảm, Đại diện người sở hữu trái phiếu, bên nhận tài sản bảo đảm khác (trường hợp Đại diện người sở hữu trái phiếu không được nhận tài sản bảo đảm) và tổ chức phát hành; hợp đồng bảo hiểm tài sản (nếu có) đối với các tài sản này; chứng thư thẩm định giá tài sản bảo đảm còn hiệu lực; văn bản xác nhận đã đăng ký biện pháp bảo đảm đối với tài sản được dùng để bảo đảm (nếu có).

9. Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

- Bản sao Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt hồ sơ chào bán trái phiếu.

- Cam kết của doanh nghiệp về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo theo quy định của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.

l) Đối với trái phiếu có bảo đảm, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i và điểm k khoản này, hồ sơ chào bán trái phiếu phải bao gồm tài liệu về tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, tài liệu định giá tài sản bảo đảm bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá và tài liệu về việc đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm, tài liệu, thông tin về thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ.

m) Văn bản xác nhận của nhà đầu tư mua trái phiếu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định này.

n) Văn bản của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu xác

10. Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hồ sơ chào bán đã đáp ứng đủ điều kiện và các thông tin, tài liệu trong hồ sơ chào bán đã đầy đủ, hợp lệ, chính xác, trung thực.

11. Trường hợp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, hồ sơ chào bán còn bao gồm các tài liệu sau:

a) Tài liệu về dự án hoặc kế hoạch sử dụng vốn làm nhiều đợt;

b) Tài liệu cập nhật tình hình chào bán và sử dụng vốn thu được từ các đợt chào bán trước theo phương án phát hành trái phiếu;

c) Tài liệu cập nhật về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành trong trường hợp đợt chào bán sau cách đợt chào bán trước từ 03 tháng trở lên và trường hợp đợt chào bán sau khác năm tài chính với đợt chào bán trước.

Điều 18. Hồ sơ chào bán, trình tự, thủ tục chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Hồ sơ chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Tài liệu chứng minh, cam kết đáp ứng

nhận tiền thu được từ chào bán trái phiếu đã được chuyển vào tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của doanh nghiệp phát hành. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là ngân hàng thương mại, phải có văn bản tự xác nhận của ngân hàng đó về việc đã nhận đủ tiền thu từ phát hành trái phiếu.

o) Các văn bản khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có).

3. Hồ sơ chào bán trái phiếu thành nhiều đợt ngoài các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này còn bao gồm:

a) Tài liệu về dự án hoặc kế hoạch sử dụng vốn làm nhiều đợt;

b) Cập nhật tình hình chào bán và sử dụng vốn trái phiếu từ các đợt chào bán trước theo phương án phát hành trái phiếu;

c) Cập nhật về tình hình tài chính của doanh nghiệp phát hành trong trường hợp đợt chào bán sau cách đợt chào bán trước từ 03 tháng trở lên và trường hợp đợt chào bán sau khác năm tài chính với đợt chào bán trước.

4. Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành trong hồ sơ chào bán trái phiếu phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là ý kiến chấp nhận toàn phần; trường hợp

đầy đủ các điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

b) Các tài liệu theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 15 Nghị định này.

Điều 19. Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Giấy đăng ký chào bán theo Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành quy định tại Điều 11 Nghị định này. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.

3. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua đối tượng được chào bán là nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán không được tham gia biểu quyết.

4. Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán. Đối với việc chào bán của tổ chức tín dụng, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đề nghị tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về các tổ chức

ý kiến kiểm toán là ý kiến ngoại trừ thì khoản ngoại trừ không ảnh hưởng đến điều kiện chào bán; doanh nghiệp phát hành phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ.

a) Trường hợp doanh nghiệp chào bán trái phiếu trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm mà chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán năm trước liền kề của năm phát hành, hoặc chưa có báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm trước liền kề của năm phát hành, doanh nghiệp sử dụng báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính quý 4 của năm liền kề trước năm phát hành/báo cáo tài chính tháng gần nhất của năm phát hành. Các báo cáo tài chính phải được soát xét hoặc kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

b) Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính trong hồ sơ chào bán trái phiếu gồm báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm phát hành và báo cáo tài chính được

tín dụng. Đối với việc chào bán của tổ chức kinh doanh bảo hiểm, hồ sơ phải có văn bản chấp thuận của Bộ Tài chính về việc tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.

5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

6. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.

7. Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ.

8. Tài liệu quy định tại khoản 8 Điều 15 Nghị định này đối với trái phiếu có bảo đảm.

9. Báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ kèm chứng quyền trong trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân.

10. Tài liệu khác cung cấp thông tin về đợt

<p><i>kiểm toán của công ty mẹ năm trước liền kề năm phát hành. Trường hợp trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm mà doanh nghiệp chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán năm trước liền kề của năm phát hành, hoặc chưa có báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm trước liền kề năm phát hành thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.”</i></p>	<p>chào bán cho nhà đầu tư (nếu có). 11. Tài liệu sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán (nếu có).</p>	
<p>15. Điều 13. Phương án phát hành trái phiếu và thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành ¹⁸1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu xây dựng phương án phát hành bao gồm các nội dung cơ bản sau: a) Thông tin về doanh nghiệp phát hành (tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, trụ sở, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật); số tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán; b) Mục đích phát hành trái phiếu bao gồm các thông tin cụ thể về chương trình, dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý và các rủi ro đầu tư của chương trình, dự án); khoản nợ được cơ cấu (cụ thể giá trị, kỳ hạn của</p>	<p>Điều 11. Phương án phát hành trái phiếu và thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành a) Mục đích phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định này; b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý của dự án, tổng vốn huy động của dự án, các rủi ro đầu tư của dự án, tình hình triển khai dự án (dự án đã hoàn thành hoặc chưa hoàn thành thủ tục đầu tư, đủ hoặc chưa đủ điều kiện huy động vốn, thời gian thực hiện dự án, dự kiến tiến độ giải ngân) và/hoặc khoản nợ được cơ cấu (trong đó nêu cụ thể về chủ nợ, giá trị, kỳ hạn, mục đích vay nợ, tiến độ dự kiến thanh toán các khoản nợ); đối với tổ chức tín dụng, phương án sử dụng vốn phải nêu rõ</p>	<p>- Điều 13 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP quy định phương án phát hành trái phiếu, trong đó có nội dung: thông tin về doanh nghiệp phát hành; mục đích phát hành; điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến chào bán; một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong ba năm liền kề và sự thay đổi sau khi phát hành; ý kiến kiểm toán hoặc ý kiến soát xét đối với báo cáo tài chính. Về bản chất, phương án phát hành chỉ liên quan đến điều kiện và đặc điểm của đợt chào bán. Việc đưa các thông tin nội tại của doanh nghiệp như tên công ty, trụ sở chính, ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính vào phương án phát hành dễ dẫn đến cách hiểu rằng khi các thông tin này thay đổi thì được coi là thay đổi phương án phát hành. Do đó, dự thảo Nghị định sửa đổi theo hướng đơn giản hóa phương án</p>

¹⁸ SĐ, BS theo K10 Điều 1 NĐ 65

khoản nợ được cơ cấu). Riêng đối với tổ chức tín dụng, mục đích phát hành trái phiếu bao gồm để tăng vốn cấp 2 hoặc để cho vay, đầu tư hoặc sử dụng cho mục đích theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

c) Thuyết minh việc đáp ứng từng điều kiện chào bán trái phiếu quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định này;

d) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến chào bán. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt phải dự kiến số lượng đợt chào bán, khối lượng chào bán của từng đợt và thời điểm chào bán của từng đợt. Đối với trái phiếu có bảo đảm, phải nêu cụ thể loại tài sản bảo đảm và giá trị của tài sản bảo đảm được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, việc đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và thứ tự thanh toán của nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ.

đ) Phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đối với trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước

là để thực hiện một, một số hoặc toàn bộ các mục đích: tăng vốn cấp 2, cho vay, đầu tư hoặc sử dụng cho mục đích theo quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

Trường hợp chưa đến thời điểm giải ngân theo tiến độ, doanh nghiệp được sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu vào các mục đích phù hợp với ngành nghề kinh doanh theo đăng ký doanh nghiệp và phải nêu rõ kế hoạch sử dụng vốn tạm thời nhàn rỗi tại phương án phát hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc thông qua;

c) Thuyết minh việc đáp ứng từng điều kiện chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật liên quan;

d) Điều kiện, điều khoản của trái phiếu dự kiến chào bán. Đối với chào bán trái phiếu thành nhiều đợt, tổ chức tín dụng phải dự kiến số lượng đợt chào bán, giá trị chào bán của từng đợt và thời điểm chào bán của từng đợt. Đối với trái phiếu có tài sản bảo đảm, doanh nghiệp phát hành phải nêu cụ thể loại tài sản bảo đảm và giá trị của tài sản bảo đảm được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá, tình trạng pháp lý của tài sản bảo đảm, việc đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và thứ tự thanh toán cho nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu khi xử lý tài sản bảo đảm để thanh toán nợ;

phát hành TPDN riêng lẻ và chuyển các thông tin nội tại của doanh nghiệp sang Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư.

- Nội dung này cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP; có điều chỉnh, bổ sung nội dung, có tiếp thu kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận số 276/KL-TTCP ngày 05/8/2025, nhằm quy định rõ ràng, phù hợp và dễ áp dụng cụ thể:

- Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán (thay cho kế hoạch sử dụng nguồn vốn từ phát hành) phải nêu chi tiết đối với các nội dung theo từng loại mục đích phát hành; chuyển nội dung quy định về hoạch bố trí nguồn và thanh toán gốc lãi quy định trong phương án sử dụng vốn;

- Đối với phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu: bổ sung phương án trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho HĐQT thông qua phương án phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều kiện khác;

- Đối với phương án thực hiện quyền của chứng quyền: bổ sung phương án dự kiến sử dụng vốn thu được từ việc phát

ngoài theo quy định của pháp luật, các điều khoản khác);

e) Phương án thực hiện quyền của chứng quyền đối với trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền (điều kiện thực hiện quyền, thời hạn, tỷ lệ, giá hoặc phương pháp tính giá, việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật, các điều khoản khác);

g) Các trường hợp, điều kiện, điều khoản và cam kết của doanh nghiệp phát hành về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu;

h) Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có), bao gồm:

- Vốn chủ sở hữu (nêu cụ thể vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, chênh lệch đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá...);

- Tổng số nợ phải trả gồm nợ vay ngân hàng, nợ vay từ phát hành trái phiếu và nợ phải trả khác (nêu cụ thể các khoản nợ phải trả);

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn gồm: hệ số nợ phải trả/tổng tài sản, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu;

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán gồm:

đ) Phương án chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu đối với trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật, việc trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều khoản khác);

e) Phương án thực hiện quyền của chứng quyền đối với trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền; giá hoặc phương pháp tính giá phát hành; việc trả nợ vốn; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; các điều khoản khác). Trường hợp giá chuyển đổi, giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền thấp hơn mệnh giá, việc chuyển đổi, thực hiện quyền chỉ được thực hiện khi tổ chức phát hành có đủ thặng dư vốn cổ phần để bù đắp phần thặng dư âm phát sinh do phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá;

g) Phương án dự kiến sử dụng vốn thu

hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền.... Việc cụ thể các nội dung, chi tiết thêm phương án giúp phương án phát hành đầy đủ, rõ ràng, nhà đầu tư dễ theo dõi, giám sát;

- Đối với nội dung về một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề năm phát hành: chuyển nội dung này quy định tại bản công bố thông tin trước đợt chào bán;

- Đối với nội dung báo cáo tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với trái phiếu còn dư nợ chuyển quy định tại bản công bố thông tin đợt chào bán do thông tin này của doanh nghiệp đã được công bố định kỳ trên trang Cbonds của Sở GDCK Hà Nội;

- Đối với nội dung về ý kiến kiểm toán đối với BCTC: ý kiến của đơn vị kiểm toán được nêu cụ thể tại BCTC và BCTC là thành phần trong hồ sơ chào bán, theo đó không cần thiết phải quy định là nội dung tại phương án phát hành;

- Bổ sung quy định phương án phát hành phải có biện pháp doanh nghiệp phát hành thực hiện để theo dõi, quản lý, giám sát việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu đúng mục đích theo ý kiến tại Kết luận số 276/KL-TTCT ngày 05/8/2025 của Thanh tra

hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn), hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn);

- Tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu;

- Lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế (trường hợp lỗ, nêu cụ thể lỗ trong năm tài chính và lỗ lũy kế);

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời gồm: hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu;

- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

i) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu.

k) Báo cáo về tình hình phát hành và sử dụng vốn đối với các trái phiếu còn dư nợ bao gồm các nội dung: tổng khối lượng trái phiếu đã phát hành; lãi, gốc trái phiếu đã thanh toán; dư nợ trái phiếu còn lại; tình hình sử dụng vốn trái phiếu và kế hoạch thanh toán lãi, gốc trái phiếu; các vi phạm pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền

được từ việc phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền;

g) Các trường hợp, điều kiện, điều khoản và cam kết của doanh nghiệp phát hành về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu;

h) Một số chỉ tiêu tài chính của doanh nghiệp trong 03 năm liền kề trước năm phát hành và sự thay đổi sau khi phát hành (nếu có), bao gồm:

- Vốn chủ sở hữu (nêu cụ thể vốn đầu tư của chủ sở hữu, các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, chênh lệch đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá...);

- Tổng số nợ phải trả gồm nợ vay ngân hàng, nợ vay từ phát hành trái phiếu và nợ phải trả khác (nêu cụ thể các khoản nợ phải trả);

- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn gồm: hệ số nợ phải trả/tổng tài sản, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu;

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán gồm: hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn), hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn);

- Tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu;

- Lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế

Chính phủ;

- Bỏ nội dung về các cam kết đối với nhà đầu tư (chuyên quy định tại Bản công bố thông tin trước đợt chào bán);

- Bỏ nội dung về đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu; trách nhiệm nghĩa vụ của từng tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ do đã được quy định tại Nghị định, doanh nghiệp phải có nghĩa vụ tuân thủ nên không cần thiết phải nêu tại phương án phát hành.

trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu (nếu có);

l) Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành;

m) Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính hoặc ý kiến soát xét của kiểm toán đối với báo cáo tài chính;

n) Phương thức phát hành trái phiếu;

o) Đối tượng chào bán trái phiếu: Doanh nghiệp nêu rõ đối tượng chào bán trái phiếu, đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này. Trường hợp chào bán cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là cá nhân doanh nghiệp phải đáp ứng quy định về hồ sơ chào bán cho nhà đầu tư cá nhân theo quy định tại Nghị định này.

p) Kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu. Trong đó nêu rõ kế hoạch sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu tạm thời nhân rồi trong trường hợp giải ngân theo tiến độ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu;

q) Kế hoạch bố trí nguồn và phương thức thanh toán lãi, gốc trái phiếu;

r) Cam kết công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành;

s) Các cam kết khác đối với nhà đầu tư

(trường hợp lỗ, nêu cụ thể lỗ trong năm tài chính và lỗ lũy kế);

- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời gồm: hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản, hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu;

- Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.i) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn (không bao gồm nợ trái phiếu) trong 03 năm liên tiếp trước đợt chào bán trái phiếu;k) Đánh giá về tình hình tài chính và khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của doanh nghiệp, khả năng trả nợ đối với trái phiếu dự kiến phát hành;

l) Ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính hoặc ý kiến soát xét của kiểm toán đối với báo cáo tài chính;

m) Phương thức phát hành trái phiếu;

o) Đối tượng mua trái phiếu; tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và danh sách nhà đầu tư chiến lược đối với phát hành trái phiếu chuyên đổi và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền; tiêu chí của nhà đầu tư đối với chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;p) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu chi tiết kế

<p>mua trái phiếu (nếu có);</p> <p>t) Điều khoản về đăng ký, lưu ký trái phiếu theo quy định tại Điều 15 Nghị định này;</p> <p>u) Điều khoản về giao dịch trái phiếu theo quy định tại Điều 16 Nghị định này;</p> <p>u) Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu, trong đó nêu cụ thể tỷ lệ biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được người sở hữu trái phiếu thông qua nhưng không thấp hơn tỷ lệ biểu quyết tương ứng từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên;</p> <p>v) Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành;</p> <p>x) Trách nhiệm và nghĩa vụ của từng tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ liên quan đến việc phát hành trái phiếu;</p> <p>y) Tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và danh sách nhà đầu tư chiến lược đối với phát hành trái phiếu chuyển đổi và phát hành trái phiếu kèm chứng quyền.”</p>	<p>hoạch trả nợ lãi, gốc trái phiếu (bao gồm chi tiết kế hoạch bố trí nguồn cho từng kỳ thanh toán lãi, gốc trái phiếu cho đến khi đáo hạn, phương thức thanh toán, số tiền thanh toán, thời gian dự kiến thanh toán, dòng tiền dự kiến thanh toán tương ứng với từng mục đích sử dụng vốn); phương án chi tiết xử lý tài sản đảm bảo trong trường hợp không bố trí được nguồn thanh toán lãi, gốc (trong trường hợp trái phiếu có tài sản đảm bảo);</p> <p>q) Biện pháp doanh nghiệp phát hành thực hiện để theo dõi, quản lý, giám sát việc sử dụng vốn thu được từ chào bán trái phiếu đúng mục đích;</p> <p>r) Quyền lợi và trách nhiệm của nhà đầu tư mua trái phiếu, trong đó nêu cụ thể tỷ lệ biểu quyết chấp thuận các vấn đề phải được người sở hữu trái phiếu thông qua nhưng không thấp hơn tỷ lệ biểu quyết tương ứng từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên;</p> <p>s) Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành.</p>	<p>2. Thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu:</p> <p>a) Đối với công ty cổ phần:</p> <p>- Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm</p>	<p>- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Điều chỉnh nội dung doanh nghiệp nhà nước phải tuân thủ quy định về <i>thẩm quyền quyết định</i> huy động vốn (thay</p>
<p>2. Thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu:</p> <p>a) Đối với công ty cổ phần:</p> <p>- Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm</p>	<p>2. Thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu:</p> <p>a) Đối với công ty cổ phần:</p> <p>- Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm</p>	<p>2. Thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận phương án phát hành trái phiếu:</p> <p>a) Đối với công ty cổ phần:</p> <p>- Phương án chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ và chào bán trái phiếu kèm</p>	<p>- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Điều chỉnh nội dung doanh nghiệp nhà nước phải tuân thủ quy định về <i>thẩm quyền quyết định</i> huy động vốn (thay</p>

chứng quyền riêng lẻ phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

- Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty theo Điều lệ của công ty.

c) Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, phải tuân thủ quy định về giới hạn huy động vốn và thẩm quyền quyết định huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh

chứng quyền riêng lẻ phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- Phương án chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác, Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất; báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu;

b) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty theo Điều lệ của công ty;

c) Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này, phải tuân thủ quy định về thẩm quyền quyết định huy động vốn theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp;

d) Đối với doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c

cho giới hạn huy động vốn và thẩm quyền quyết định như Nghị định số 153/2020/NĐ-CP) theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp để đảm bảo tính tổng quát khi áp dụng.

	<p>nghiệp. d) Đối với doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).</p>	<p>khoản này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).</p>	
16	<p>¹⁹Điều 14. Phương thức phát hành trái phiếu và các tổ chức cung cấp dịch vụ 1. Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành theo các phương thức sau: a) Đấu thầu phát hành: là phương thức lựa chọn nhà đầu tư đủ điều kiện trúng thầu mua trái phiếu đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp phát hành. b) Bảo lãnh phát hành: là phương thức bán trái phiếu doanh nghiệp cho nhà đầu tư mua trái phiếu thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành. c) Đại lý phát hành: là phương thức doanh nghiệp phát hành ủy quyền cho một tổ chức khác thực hiện bán trái phiếu cho nhà đầu tư mua trái phiếu. d) Bán trực tiếp cho nhà đầu tư trái phiếu đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng.</p>	<p>Điều 12. Phương thức phát hành trái phiếu và các tổ chức cung cấp dịch vụ 1. Trái phiếu doanh nghiệp được phát hành theo các phương thức sau: a) Đấu thầu phát hành: là phương thức lựa chọn nhà đầu tư đủ điều kiện trúng thầu mua trái phiếu đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp phát hành; b) Bảo lãnh phát hành: là phương thức bán trái phiếu doanh nghiệp cho nhà đầu tư mua trái phiếu thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc tổ hợp bảo lãnh phát hành. c) Đại lý phát hành: là phương thức doanh nghiệp phát hành ủy quyền cho một tổ chức khác thực hiện phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư mua trái phiếu; d) Bán trực tiếp cho nhà đầu tư trái phiếu đối với doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng.</p>	

¹⁹ Điều này được SE, BS theo K11 Điều 1 NE 65

2. Doanh nghiệp phát hành quyết định phương thức phát hành và công bố cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

3. Tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư:

a) Đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

b) Đối với nhà đầu tư chiến lược: doanh nghiệp phát hành (khi chào bán trái phiếu) và công ty chứng khoán (nơi nhà đầu tư mua trên thị trường thứ cấp) có trách nhiệm xác định nhà đầu tư chiến lược căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của doanh nghiệp phát hành về việc lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định của pháp luật chứng khoán.

c) Tổ chức xác định tư cách nhà đầu tư có trách nhiệm ký xác nhận vào văn bản xác nhận của nhà đầu tư trước khi mua trái phiếu theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc xác định tư cách nhà đầu tư.

4. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp bao gồm:

a) Công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định của Luật

2. Doanh nghiệp phát hành quyết định phương thức phát hành và công bố cho nhà đầu tư mua trái phiếu.

3. Tổ chức đấu thầu, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp bao gồm:

a) Công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ đấu thầu, đại lý phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định tại Nghị định này;

b) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán.

- Chuyển nội dung tổ chức có trách nhiệm xác định tư cách nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 9. Nhà đầu tư tham gia mua, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu để đảm bảo tính thống nhất do cùng quy định liên quan đến nhà đầu tư chuyên nghiệp;

- Bổ sung thêm khoản 9 tại Điều 15 dự thảo Nghị định này về trách nhiệm của Tổ chức kiểm toán theo quy định mới tại khoản 4 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

Chứng khoán;

b) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán.

5. Trách nhiệm của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ:

a) Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên.

b) Trách nhiệm chính của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh và đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu hoặc trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng bán trực tiếp trái phiếu cho nhà đầu tư:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cho nhà đầu tư theo phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt, đảm bảo không có nội dung để nhà đầu tư nhầm lẫn giữa việc mua trái phiếu doanh nghiệp và gửi tiền tại tổ chức tín dụng; cung cấp đầy đủ, chính xác

4. Trách nhiệm của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp khi cung cấp dịch vụ:

a) Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi bên;

b) Trách nhiệm chính của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu hoặc trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành là tổ chức tín dụng bán trực tiếp trái phiếu cho nhà đầu tư:

- Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin cho nhà đầu tư theo phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt, đảm bảo không có nội dung để nhà đầu tư nhầm lẫn giữa việc mua trái phiếu doanh nghiệp và gửi tiền tại tổ chức tín dụng theo hồ sơ, thông tin do doanh nghiệp phát hành cung cấp; cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin cho nhà đầu tư về trách nhiệm và nghĩa vụ

Bỏ nội dung trách nhiệm xác nhận tiền thu được từ chào bán trái phiếu đã được chuyển vào tài khoản... của tổ chức đấu thầu, đại lý phát hành có do đã có quy định về tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu.

thông tin cho nhà đầu tư về trách nhiệm và nghĩa vụ của tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu; không cung cấp thông tin sai sự thật, không cung cấp thông tin để gây hiểu lầm về trái phiếu cho nhà đầu tư;

- Chỉ phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư đã được doanh nghiệp phát hành hoặc công ty chứng khoán được ủy quyền xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sau khi đảm bảo nhà đầu tư đã được tiếp cận, hiểu rõ đầy đủ thông tin và ký văn bản xác nhận theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; không được chào mời, hỗ trợ nhà đầu tư không thuộc đối tượng nhà đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ;

- Trường hợp cam kết với nhà đầu tư về việc mua lại trái phiếu doanh nghiệp thì phải ký hợp đồng với nhà đầu tư (trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản về việc mua lại trái phiếu) và phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành khi thực hiện các cam kết này.

- Trường hợp thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán thì phải cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư về phạm vi bảo lãnh phát hành, đảm bảo không có

của tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành khi phân phối trái phiếu; không cung cấp thông tin sai sự thật, không cung cấp thông tin để gây hiểu lầm về trái phiếu cho nhà đầu tư;

- Chỉ phân phối trái phiếu cho nhà đầu tư đã được doanh nghiệp phát hành hoặc công ty chứng khoán được ủy quyền xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp sau khi đảm bảo nhà đầu tư đã được tiếp cận, hiểu rõ đầy đủ thông tin và ký văn bản xác nhận theo quy định tại Điều 8 Nghị định này; không được chào mời, hỗ trợ nhà đầu tư không thuộc đối tượng nhà đầu tư mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ;

- Trường hợp cam kết với nhà đầu tư về việc mua lại trái phiếu doanh nghiệp thì phải ký hợp đồng với nhà đầu tư (trong đó nêu rõ điều kiện, điều khoản về việc mua lại trái phiếu) và phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành khi thực hiện các cam kết này;

- Trường hợp thực hiện bảo lãnh phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán thì phải cung cấp đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư về phạm vi bảo lãnh phát hành, không có nội dung để nhà đầu tư nhầm lẫn giữa bảo lãnh phát hành và bảo lãnh thanh toán trái phiếu.

c) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định

nội dung đề nhà đầu tư nhằm lẫn giữa bảo lãnh phát hành và bảo lãnh thanh toán trái phiếu.

- Xác nhận tiền thu được từ chào bán trái phiếu đã được chuyển vào tài khoản nhận tiền mua trái phiếu của doanh nghiệp phát hành và gửi cho doanh nghiệp phát hành để lưu tại hồ sơ chào bán trái phiếu và công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định.

6. Tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu là công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán.

a) Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên.

b) Trách nhiệm chính của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán khi cung cấp dịch vụ:

- Rà soát việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện chào bán và hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán, pháp luật doanh nghiệp và xác nhận kết quả rà soát tại công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của doanh

tại Nghị định này.

5. Tổ chức tư vấn về hồ sơ chào bán trái phiếu là công ty chứng khoán được phép cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật:

a) Phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên;

b) Khi cung cấp dịch vụ, có trách nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này;

c) Không được tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp phát hành cung cấp thông tin sai sự thật hoặc dễ gây hiểu lầm về trái phiếu tại hồ sơ chào bán;

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

- Bộ quy định tổ chức tư vấn có trách nhiệm rà soát việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện chào bán và hồ sơ chào bán trái phiếu và xác nhận kết quả rà soát tại công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp. Tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc rà soát của mình do đây là trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành.

- Quy định tổ chức tư vấn có trách nhiệm trong phạm vi tư vấn, rà soát, kiểm tra các thông tin trong hồ sơ đảm bảo việc phân tích, đánh giá được thực hiện hợp lý, căn trọng trên cơ sở thông tin được cung cấp.

ngiệp. Tổ chức tư vấn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc rà soát của mình;

- Không được tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp phát hành cung cấp thông tin sai sự thật hoặc dễ gây hiểu lầm về trái phiếu tại hồ sơ chào bán.

7. Đại diện người sở hữu trái phiếu là thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán được chỉ định hoặc được lựa chọn đại diện cho quyền lợi của người sở hữu trái phiếu theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

a) Đại diện người sở hữu trái phiếu phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên.

b) Khi cung cấp dịch vụ, đại diện người sở hữu trái phiếu có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

c) Đại diện người sở hữu trái phiếu được thay đổi khi được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. Trường hợp thay đổi các điều khoản khác tại hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu, việc thay

6. Đại diện người sở hữu trái phiếu là tổ chức được chỉ định hoặc được lựa chọn đại diện cho quyền lợi của người sở hữu trái phiếu bao gồm công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:

a) Phải ký hợp đồng cung cấp dịch vụ với doanh nghiệp phát hành, trong đó nêu rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên;

b) Khi cung cấp dịch vụ, có trách nhiệm tuân thủ quy định tại Điều 24 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

c) Được thay đổi khi được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận. Trường hợp thay đổi các điều khoản khác tại hợp đồng đại diện người sở hữu trái phiếu, việc thay đổi phải đồng thời được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định này;

- Nội dung này cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;

- Bổ sung quy định đại diện người sở hữu trái phiếu bao gồm công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên lưu ký của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 56 về thành viên lưu ký, quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về đại diện người sở hữu trái phiếu.

	<p>đôi phải đồng thời được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua.</p>	<p>đ) Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.</p>	
	<p>8. Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kiểm toán, chứng thư thẩm định giá và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào xác nhận hồ sơ chào bán trái phiếu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ chào bán trái phiếu.</p>	<p>7. Tổ chức kiểm toán đủ điều kiện, doanh nghiệp thẩm định giá, người ký báo cáo kiểm toán, chứng thư thẩm định giá và bất kỳ tổ chức, cá nhân nào xác nhận hồ sơ chào bán trái phiếu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật trong phạm vi liên quan đến hồ sơ chào bán trái phiếu.</p>	
	<p>9. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp quy định tại khoản 4, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều này không phải là người có liên quan đối với doanh nghiệp phát hành theo quy định của <u>Luật Chứng khoán</u> và các văn bản hướng dẫn. Các tổ chức này chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ của mình. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật tùy theo tính chất, mức độ vi phạm.</p> <p>10. Bộ Tài chính hướng dẫn các hoạt động tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, bảo lãnh, đấu thầu, đại lý phát hành trái</p>	<p>8. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp quy định tại khoản 3, khoản 5, khoản 6 và khoản 7 Điều này không phải là người có liên quan đối với doanh nghiệp phát hành theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Các tổ chức này chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ của mình.</p>	<p>Bỏ nội dung “trường hợp vi phạm quy định pháp luật sẽ bị xử phạt...”, chuyển nội dung này quy định chung tại khoản 1 Điều 48 - Chương VII. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại.</p>

	phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, đại diện người sở hữu trái phiếu.”		
	Mục 2. Đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu	Mục 2. Đăng ký, lưu ký và giao dịch trái phiếu	
17	<p>²⁰Điều 15. Đăng ký, lưu ký trái phiếu.</p> <p>1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn sau:</p> <p>a) 5 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.</p> <p>b) 05 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp phát hành công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 20 Nghị định này đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>c) Khi đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, doanh nghiệp phải gửi kèm theo danh sách người sở hữu trái phiếu và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc danh sách người sở hữu trái phiếu đáp ứng đúng</p>	<p>Điều 21. Đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền và chuyển quyền sở hữu trái phiếu</p> <p>1. Sau khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này, doanh nghiệp chào bán trái phiếu riêng lẻ phải đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong thời hạn sau:</p> <p>a) 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;</p> <p>b) 05 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp phát hành công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định này đối với các trường hợp không thuộc quy định tại điểm a khoản này;</p> <p>c) Khi đăng ký trái phiếu tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, doanh nghiệp phải gửi kèm theo danh sách người sở hữu trái phiếu và chịu</p>	<p>- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định 65/2022/NĐ-CP, quy định thống nhất đối tượng mua trên thị trường thứ cấp là đối tượng mua trên thị trường sơ cấp (tổ chức phát hành phải công bố đối tượng mua trong hồ sơ chào bán).</p> <p>- Căn cứ thực tiễn triển khai, bổ sung thêm quy định về việc thực hiện quyền (nguyên tắc, việc thực hiện quyền mua lại trước hạn bằng tài sản khác) và chuyển quyền sở hữu trái phiếu theo kiến nghị của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.</p>

²⁰ Điều này được SĐ, BS theo K12 Điều 1 NĐ 65

<p>đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán.</p> <p>2. Trái phiếu phải được lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký trước khi giao dịch, chuyển quyền sở hữu trừ trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Việc trái phiếu doanh nghiệp được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán, không hàm ý Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận và đảm bảo cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc của trái phiếu.</p>	<p>hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc danh sách người sở hữu trái phiếu đáp ứng đúng đối tượng mua trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Trái phiếu phải được lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký trước khi giao dịch, chuyển quyền sở hữu trừ trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</p> <p>3. Việc trái phiếu doanh nghiệp được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán, không hàm ý Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam xác nhận và đảm bảo cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc, tiền mua lại trước hạn và các nghĩa vụ liên quan của trái phiếu.</p>	
	<p>4. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký trong trường hợp doanh nghiệp phát hành mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi một phần hoặc doanh nghiệp phát hành thay đổi kỳ hạn của trái phiếu nhưng có trường hợp người sở hữu trái phiếu không chấp thuận việc thay đổi dẫn đến doanh nghiệp phát hành phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu</p>	<p>Nội dung quy định về điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký đã được quy định tại khoản 7 Điều 6 Thông tư 30/2023/TT-BTC và cần thiết nâng lên Nghị định để đảm bảo tính pháp lý cao hơn; (ii) Quy định cụ thể các trường hợp điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký, hủy đăng ký trái phiếu và nguyên tắc hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký đối với trái phiếu</p>

		trái phiếu này theo phương án phát hành đã công bố.	đăng ký giao dịch tại SGDCK; (iii) Quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của VSDC và DNPH trong việc hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký theo đề nghị của doanh nghiệp phát hành để đảm bảo quyền lợi của NSHTP.
		5. Việc hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam không làm thay đổi quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành chịu trách nhiệm quản lý thông tin về trái phiếu, người sở hữu trái phiếu sau khi trái phiếu hủy đăng ký, điều chỉnh giảm số lượng trái phiếu đăng ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và tiếp tục thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của người sở hữu trái phiếu (nếu có) theo quy định của pháp luật.	Bổ sung nguyên tắc về việc thực hiện quyền cho NSHTP theo đề nghị của DNPH tại VSDC để làm rõ trách nhiệm của DNPH và VSDC trong việc thực hiện quyền;
		6. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện quyền cho người sở hữu trái phiếu trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp phát hành. Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện quyền theo đề nghị của doanh nghiệp phát hành nếu đề nghị gửi đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam không kịp thời hoặc không đầy đủ, chính	

	<p>4. Việc chuyển quyền sở hữu trái phiếu đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam được thực hiện đối với các trường hợp:</p> <p>a) Giao dịch mua bán trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.</p> <p>b) Thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.</p>	<p>xác.</p> <p>7. Chuyển quyền sở hữu trái phiếu đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện như sau:</p> <p>a) Chuyển quyền sở hữu thông qua giao dịch mua bán trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.</p> <p>b) Chuyển quyền sở hữu không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán đối với các giao dịch không mang tính chất mua bán hoặc không thể thực hiện được qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>c) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chuyển quyền sở hữu trái phiếu trên cơ sở thông tin về kết quả giao dịch do Sở giao dịch chứng khoán cung cấp hoặc hồ sơ, tài liệu đề nghị chuyển quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân.</p>	<p>Quy định rõ hơn về việc chuyển quyền sở hữu trái phiếu trong đó bao gồm các trường hợp chuyển quyền sở hữu trái phiếu không mang tính chất mua bán hoặc không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại SGDCK, bao quát hơn so với quy định cũ (chỉ bao gồm thực hiện theo bản án, quyết định của trọng tài, thừa kế)</p>
	<p>5. Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các trường hợp chuyển quyền sở hữu trái phiếu không thực hiện qua hệ thống giao dịch</p>	<p>8. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc đăng ký, điều chỉnh số lượng trái phiếu đăng ký, hủy đăng ký trái phiếu, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và các trường hợp chuyển quyền sở hữu trái</p>	

<p>trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc thanh toán giao dịch trái phiếu không áp dụng theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.”</p>	<p>phiếu không thực hiện qua hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc thanh toán giao dịch trái phiếu không áp dụng theo cơ chế đối tác bù trừ trung tâm.</p>	
<p>²¹Điều 16. Giao dịch trái phiếu 1. Doanh nghiệp phải đăng ký giao dịch trái phiếu đã phát hành trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều này không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc của trái phiếu.</p>	<p>Điều 22. Giao dịch trái phiếu 1. Doanh nghiệp phải đăng ký giao dịch trái phiếu đã phát hành trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán. Việc đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Điều này không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho tính hợp pháp của đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp và việc thanh toán đầy đủ lãi, gốc của trái phiếu.</p>	<p>- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP; - Quy định chi tiết hơn trình tự đăng ký giao dịch trái phiếu với Sở GDCK Hà Nội.</p>
<p>2. Việc giao dịch trái phiếu phải được thực hiện thông qua thành viên giao dịch và đảm bảo tuân thủ các quy định: a) Trái phiếu chỉ được phép giao dịch giữa các đối tượng nhà đầu tư nêu tại phương án phát hành trái phiếu, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. b) Trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu</p>	<p>5. Việc giao dịch trái phiếu phải được thực hiện thông qua thành viên giao dịch và đảm bảo tuân thủ các quy định: a) Trái phiếu chỉ được phép giao dịch giữa các đối tượng nhà đầu tư nêu tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này, trừ trường hợp thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật; b) Trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm</p>	<p>Quy định rõ hơn so với Nghị định số 153/2020/NĐ-CP về đối tượng nhà đầu tư được phép giao dịch, chuyển nhượng theo quy định tại Luật số 56</p>

²¹ Điều này được SD, BS theo K13 Điều 1 NĐ 65

	<p>kèm chứng quyền bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán. Sau thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, việc giao dịch trái phiếu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này.</p>	<p>chứng quyền bị hạn chế chuyển nhượng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán không phải là công ty đại chúng thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán. - Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền của công ty không phải là công ty đại chúng: bị hạn chế giao dịch, chuyển nhượng tối thiểu là 03 năm đối với nhà đầu tư chiến lược và tối thiểu là 01 năm đối với nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp giao dịch, chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1a, khoản 1b Điều 11 Luật Chứng khoán; - Sau thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, việc giao dịch trái phiếu thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này. 	
18	<p>3. Trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm:</p> <p>a) Doanh nghiệp thực hiện đăng ký giao dịch trái phiếu chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký trái phiếu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ</p>	<p>2. Trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm:</p> <p>a) Doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu cho Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo đã nhận được báo cáo kết quả</p>	<p>- Sở GDCK có trách nhiệm đưa trái phiếu vào giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch trái phiếu căn cứ trên hồ sơ đăng ký giao dịch của doanh nghiệp phát hành. DNP không cần đăng ký ngày giao dịch đầu tiên. Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở sẽ ra thông báo về ngày giao dịch đầu tiên của trái phiếu đó trên Chuyên trang.</p>

chứng khoán Việt Nam.

b) Tổ chức phát hành gửi hồ sơ đăng ký giao dịch cho Sở giao dịch chứng khoán bằng hình thức điện tử theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán. Hồ sơ đăng ký giao dịch bao gồm:

- Đơn đề nghị đăng ký giao dịch trái phiếu theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này;
- Giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- Giấy chứng nhận đăng ký trái phiếu của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu;
- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);
- Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc loại trái phiếu phát hành (nếu có);

c) Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về việc trái phiếu đã đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở

chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; đối với các loại trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ còn lại, doanh nghiệp thực hiện đăng ký giao dịch trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 32 Nghị định này. b) Hồ sơ đăng ký giao dịch bao gồm:

- Đơn đề nghị đăng ký giao dịch trái phiếu theo mẫu quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;
- Giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu;
- Văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);
- Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu hoặc loại trái phiếu phát hành (nếu có).

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và văn bản của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc trái phiếu

- Bổ sung Phụ lục đơn đăng ký giao dịch.

- Văn bản xác nhận của VSDC là điều kiện cần để đảm bảo có trái phiếu trước khi giao dịch. Do vậy, trên thực tế khi xem xét hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu, HNX vẫn cần phải có Giấy của VSDC làm căn cứ. Theo đó HNX đề nghị bổ sung văn bản xác nhận của VSDC trong hồ sơ đăng ký giao dịch trái phiếu;

- HNX kiến nghị quy định doanh nghiệp bổ sung hồ sơ cũng được thực hiện qua Chuyên trang, không bằng văn bản để tránh phát sinh trường hợp HNX có thông báo về việc trái phiếu đã ĐKGD trên hệ thống giao dịch TPDNRL nhưng VSDC lại không có văn bản trái phiếu đã đăng ký tại VSDC hoặc doanh nghiệp nộp hồ sơ cho HNX nhưng không nộp cho VSDC.

<p>giao dịch chứng khoán, đồng thời thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp từ chối, Sở giao dịch chứng khoán phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>d) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về việc trái phiếu đã đăng ký giao dịch, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đưa trái phiếu vào giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán.</p>	<p>đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về ngày giao dịch đầu tiên của trái phiếu trên hệ thống giao dịch trái phiếu, đồng thời thực hiện công bố thông tin trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ hoặc không đúng thời hạn, Sở giao dịch chứng khoán gửi thông báo cho doanh nghiệp phát hành yêu cầu hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 03 ngày qua chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp và nêu rõ lý do.</p> <p>d) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch chứng khoán ra thông báo về việc trái phiếu đã đăng ký giao dịch, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đưa trái phiếu vào giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán.</p>	
<p>4. Đăng ký giao dịch trái phiếu của doanh nghiệp sau quá trình tổ chức lại và việc hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu:</p> <p>a) Trái phiếu đã đăng ký giao dịch của công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập được tiếp tục đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>b) Các trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu:</p>	<p>3. Đăng ký giao dịch trái phiếu của doanh nghiệp sau quá trình tổ chức lại và việc hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu:</p> <p>a) Trái phiếu đã đăng ký giao dịch của công ty bị hợp nhất, bị sáp nhập được tiếp tục đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán;</p> <p>b) Các trường hợp hủy bỏ đăng ký giao dịch trái phiếu:</p> <p>- Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc</p>	

- Trái phiếu đến thời gian đáo hạn hoặc doanh nghiệp phát hành chuyển đổi, mua lại hoặc hoán đổi toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

- Sở giao dịch chứng khoán phát hiện doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký giao dịch, giả mạo hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch;

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chấm dứt sự tồn tại do giải thể hoặc phá sản hoặc thực hiện chia, tách doanh nghiệp.

5. Thành viên giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận theo quy định của pháp luật chứng khoán.

a) Thành viên giao dịch là công ty chứng khoán.

b) Thành viên giao dịch đặc biệt là các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

c) Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên, hủy bỏ tư cách

doanh nghiệp phát hành chuyển đổi, mua lại hoặc hoán đổi toàn bộ trái phiếu trước thời gian đáo hạn;

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

- Sở giao dịch chứng khoán phát hiện doanh nghiệp phát hành giả mạo hồ sơ đăng ký giao dịch,;

- Doanh nghiệp phát hành trái phiếu chấm dứt sự tồn tại do giải thể hoặc phá sản hoặc thực hiện chia, tách doanh nghiệp;

4. Thành viên giao dịch trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán bao gồm thành viên giao dịch và thành viên giao dịch đặc biệt được Sở giao dịch chứng khoán chấp thuận theo quy định của pháp luật chứng khoán:

a) Thành viên giao dịch là công ty chứng khoán.

b) Thành viên giao dịch đặc biệt là các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành viên, hủy bỏ tư cách thành viên, đình chỉ hoạt động đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy

	thành viên, đình chỉ hoạt động đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch công cụ nợ của Chính phủ quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.	đình chỉ đối với thành viên giao dịch đặc biệt tham gia giao dịch công cụ nợ của Chính phủ quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.	
	6. Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước theo quy định tại Điều này.”	6. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước và giao dịch không mang tính chất mua bán, giao dịch khác không thực hiện được trên hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ.	
	Mục 3. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu	Mục 3. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu	
19	Điều 17. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu 1. Doanh nghiệp phát hành bố trí nguồn trả nợ lãi, gốc trái phiếu từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu. 2. Đối với trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc trái phiếu thì tài sản bảo đảm sẽ được xử lý để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm	Điều 23. Thanh toán lãi, gốc trái phiếu 1. Doanh nghiệp phát hành bố trí nguồn trả nợ lãi, gốc trái phiếu từ các nguồn vốn hợp pháp của doanh nghiệp và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu. 2. Đối với trái phiếu được bảo đảm bằng tài sản, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc trái phiếu thì tài sản bảo đảm sẽ được xử lý để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm của pháp luật về giao dịch bảo đảm. 3. Đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh	- Nội dung này cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP. - Căn cứ thực tế triển khai, theo đề nghị của VSDC, bổ sung quy định một số nguyên tắc đối với doanh nghiệp phát hành đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác; đưa một số nội dung tại Thông tư số 30/2023/TT-BTC ngày 17/5/2023 về trường hợp doanh nghiệp phát hành thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác; trường hợp

của trái phiếu theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

3. Đối với trái phiếu được bảo lãnh thanh toán, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc thì tổ chức bảo lãnh thanh toán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho doanh nghiệp phát hành theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức bảo lãnh thanh toán và doanh nghiệp phát hành nêu tại phương án phát hành trái phiếu và đã được công bố thông tin cho nhà đầu tư.

toán, khi doanh nghiệp phát hành không trả được nợ lãi, gốc thì tổ chức bảo lãnh thanh toán có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho doanh nghiệp phát hành theo cam kết bảo lãnh giữa tổ chức bảo lãnh thanh toán và doanh nghiệp phát hành nêu tại phương án phát hành trái phiếu và đã được công bố thông tin cho nhà đầu tư.

4. Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, trường hợp doanh nghiệp phát hành không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng đồng Việt Nam theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 11 Nghị định này, doanh nghiệp có thể đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác theo các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó;

b) Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận;

c) Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái

doanh nghiệp phát hành thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoặc thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác dẫn đến đợt thanh toán gốc, lãi trái phiếu bằng tiền không thể thực hiện được cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu.

phiếu theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác theo quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Đối với tài sản dùng để thanh toán là chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán được thực hiện qua hệ thống của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

b) Đối với tài sản dùng để thanh toán không phải là chứng khoán đã đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, việc thanh toán được thực hiện theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán cho người sở hữu trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

6. Trường hợp doanh nghiệp phát hành thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoặc thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn cho người sở hữu trái phiếu bằng tài sản khác dẫn đến đợt thanh toán gốc, lãi trái phiếu bằng tiền không thể thực hiện được cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu theo đúng thông tin về điều kiện, điều khoản trái phiếu đã đăng ký với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam

trước đó, doanh nghiệp phát hành tự thực hiện đợt thanh toán đó cho toàn bộ người sở hữu trái phiếu. Doanh nghiệp phát hành phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thanh toán cho người sở hữu trái phiếu theo đúng quy định pháp luật.

7. Doanh nghiệp phát hành phải thông báo cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về việc dùng tài sản khác để thanh toán gốc, lãi trái phiếu cho người sở hữu trái phiếu và việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày thanh toán gốc, lãi trái phiếu và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trong trường hợp không thông báo hoặc thông báo chậm cho Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

8. Trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu thì nhà đầu tư có quyền yêu cầu doanh nghiệp phát hành thực hiện nghĩa vụ thanh toán, mua lại trái phiếu trước hạn; có quyền đàm phán với doanh nghiệp về phương án thanh toán gốc, lãi. Việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm hoặc giải quyết tranh chấp trong trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu cho người sở hữu trái phiếu thực hiện theo Điều 49 Nghị định này.

	Mục 4. Công bố thông tin	Chương IV. Công bố, cung cấp thông tin	Nội dung công bố thông tin tại Chương này cơ bản kế thừa nội dung quy định về công bố thông tin về chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, thay đổi về mặt kết cấu, cụ thể: chuyển toàn bộ nội dung công bố thông tin tại thị trường trong nước và quốc tế quy định tại Chương này (thay cho việc công bố riêng tại các chương chào bán trái phiếu trong nước và chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế như Nghị định số 153/2020/NĐ-CP) để đảm bảo tính tổng hợp, rõ ràng, dễ theo dõi, tiếp cận. Bổ sung thuật ngữ “cung cấp thông tin” để sử dụng trong trường hợp doanh nghiệp gửi thông tin trước đợt chào bán cho nhà đầu tư (tránh nhầm lẫn với việc công bố thông tin ra đại chúng theo thuật ngữ pháp luật về chứng khoán)
		Mục 1. Chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước	
20	Điều 18. Nguyên tắc công bố thông tin 1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời cho nhà đầu tư; các thông tin phải rõ ràng theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Doanh nghiệp phát hành	Điều 30. Nguyên tắc công bố, cung cấp thông tin 1. Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm thực hiện công bố, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho nhà đầu tư; các thông tin phải rõ ràng theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Doanh nghiệp phát hành phải chịu trách nhiệm	Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP.

	<p>phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố.</p> <p>2. Việc công bố thông tin trước khi chào bán trái phiếu không được chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào và không thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>3. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	<p>trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố, cung cấp.</p> <p>2. Việc cung cấp thông tin trước khi chào bán trái phiếu không được chứa đựng nội dung có tính chất quảng cáo, mời chào và không thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trừ trường hợp công bố thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>3. Doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p>	
21	<p>Điều 19. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp²²</p> <p>1. Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>a) Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>b) Riêng đối với chào bán trái phiếu</p>	<p>Điều 31. Cung cấp thông tin trước đợt chào bán</p> <p>1. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày tổ chức đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán:</p> <p>a) Nội dung Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;</p> <p>b) Riêng đối với chào bán trái phiếu xanh, ngoài nội dung cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp</p>	<p>- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Chuyên nội dung Sở GDCK tiếp nhận thông tin của doanh nghiệp phát hành không hàm ý Sở GDCK xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp cùng nội dung quy định Sở GDCK tiếp nhận thông tin tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại khoản 3 Điều này do cùng quy định liên quan đến việc tiếp nhận thông tin của Sở GDCK.</p>

²² SFĐ, BS theo K14 Điều 1 NĐ 65

xanh, ngoài nội dung công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin về quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

c) Việc doanh nghiệp gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán chỉ có mục đích để Sở giao dịch chứng khoán thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 32 Nghị định này, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.”

2. Đối với doanh nghiệp chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

a) Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc công bố thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, trong thời hạn 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều

phát hành phải cung cấp thông tin về quy trình theo dõi, quản lý, giải ngân vốn từ chào bán trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này;

c) Việc doanh nghiệp gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán cho Sở giao dịch chứng khoán chỉ có mục đích để Sở giao dịch chứng khoán thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 42 Nghị định này.

2. Đối với tổ chức tín dụng chào bán trái phiếu thành nhiều đợt:

a) Đối với đợt chào bán đầu tiên, việc cung cấp thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với các đợt chào bán tiếp theo, ngoài việc cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản này, tối thiểu 01 ngày làm việc trước mỗi đợt chào bán trái phiếu, tổ chức tín dụng cung cấp thông tin bổ sung cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu, đồng thời gửi Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung cung cấp thông tin bổ sung theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung cung cấp thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung

	<p>12 Nghị định này.</p> <p>3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.</p>	<p>cung cấp thông tin trước đợt chào bán của tổ chức tín dụng không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.</p>	
22	<p>Sửa đổi khoản 1 Điều 20 như sau:</p> <p>"1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính."</p>	<p>Điều 21. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu</p> <p>1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>2. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2</p>	<p>- Kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Bổ sung thêm khoản 2 trên cơ sở đề xuất của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đảm bảo phù hợp với thực tế triển khai của thị trường.</p>

		Điều 33 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.	
23	<p>Điều 20. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu.</p> <p>²³1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>1a. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại</p>	<p>Điều 32. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu</p> <p>1. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>2. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.</p>	<p>- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Điều chỉnh thời hạn doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả đợt chào bán từ trong 05 ngày làm việc thành chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

²³ SD, BS K1, BS K1a theo K 15 Điều 1 ND 65

	<p>Điều 33 Nghị định này.</p>	<p>4. Trường hợp Ủy ban Chứng khoán Nhà nước quyết định đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ đợt chào bán trái phiếu, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán trái phiếu bị đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ, doanh nghiệp phát hành phải công bố việc đình chỉ, hủy đình chỉ, hoặc hủy bỏ đợt chào bán trái phiếu theo phương thức quy định tại khoản 3 Điều 25 của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Bổ sung quy định về công bố thông tin trong trường hợp UBCKNN quyết định đình chỉ, hủy đình chỉ hoặc hủy bỏ đợt chào bán trái phiếu do Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 quy định bổ sung tại Điều 31a về đình chỉ chào bán chứng khoán riêng lẻ và tại Điều 31b về hủy bỏ chào bán chứng khoán riêng lẻ.</p>
	<p>Điều 21. Công bố thông tin định kỳ 1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán. a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng. b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.</p>	<p>Điều 33. Công bố thông tin định kỳ 1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở giao dịch chứng khoán: a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng; b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm; c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày trái phiếu không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao</p>	<p>- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p>

<p>²⁴2. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu là công ty mẹ, báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ.</p> <p>b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu.</p> <p>c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện.</p> <p>d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với</p>	<p>dịch chứng khoán về việc đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà đầu tư, bao gồm việc thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu.</p> <p>2. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính công bố thông tin gồm báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ được soát xét, kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện;</p> <p>b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu;</p> <p>c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu cho đến khi giải ngân hết số tiền thu được hoặc cho đến khi doanh nghiệp phát hành không còn dư nợ trái phiếu tùy theo thời điểm nào đến trước. Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán trái phiếu được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện;</p> <p>d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu;</p> <p>đ) Đối với trái phiếu xanh, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm d</p>	<p>- Sửa đổi quy định doanh nghiệp phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm/bán niên <u>đã được kiểm toán/soát xét bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện</u>; bỏ quy định báo cáo tài chính được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu.</p> <p>- Quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP yêu cầu doanh nghiệp phải kiểm toán và công bố báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ phát hành đối với trái phiếu còn dư nợ. Trong quá trình thực hiện, một số tổ chức phát hành và công ty kiểm toán cho rằng việc xây dựng riêng báo cáo sử dụng vốn và kiểm toán báo cáo này sau khi đã giải ngân hết toàn bộ tiền huy động từ trái phiếu là không thực sự cần thiết, có thể yêu cầu thuyết minh trong báo cáo tài chính hàng năm để giám thủ tục cho doanh nghiệp. Do vậy, Nghị định sửa đổi bổ sung quy định đối với việc doanh nghiệp phải công bố thông tin định kỳ báo cáo tình hình sử dụng vốn kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành</p>
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

²⁴ SD, BS theo K16 ND 65

	<p>người sở hữu trái phiếu.</p> <p>đ) Đối với trái phiếu xanh, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này, hàng năm doanh nghiệp phát hành phải lập báo cáo về việc hạch toán, quản lý sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán; báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p>	<p>khoản này, hàng năm doanh nghiệp phát hành phải lập báo cáo về việc theo dõi, sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán đủ điều kiện; báo cáo tiến độ giải ngân, tiến độ thực hiện dự án và báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p>	<p>cho đến khi giải ngân hết số tiền đã huy động hoặc không còn dư nợ trái phiếu tùy theo thời điểm nào đến trước. Việc sửa đổi này đồng bộ với quy định về báo cáo tình hình sử dụng vốn đối với chứng khoán phát hành ra công chúng theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế triển khai.</p>
	<p>3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.</p>	<p>3. Trường hợp trái phiếu có lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa lãi suất cố định và thả nổi, doanh nghiệp phát hành công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và Sở giao dịch chứng khoán lãi suất thực tế áp dụng cho các kỳ tính lãi trước thời điểm thực hiện trả lãi cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.</p> <p>4. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.</p>	<p>Bổ sung quy định về công bố thông tin lãi suất trước thời điểm doanh nghiệp trả lãi cho người sở hữu trong trường hợp doanh nghiệp trả lãi suất thả nổi hoặc kết hợp giữa cố định và thả nổi để đảm bảo thông tin rõ ràng cho nhà đầu tư.</p>
	<p>Điều 22. Công bố thông tin bất thường của doanh nghiệp</p> <p>1. Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra</p>	<p>Điều 34. Công bố thông tin bất thường</p> <p>1. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, doanh</p>	<p>- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p>

<p>một trong các sự kiện sau đây, doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán:</p> <p>a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;</p> <p>b) Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.</p> <p>²⁵c) <u>Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu.</u></p> <p>d) <u>Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc.</u></p> <p>đ) <u>Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định.”</u></p>	<p>ng nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường theo hướng dẫn của Bộ Tài chính cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán:</p> <p>a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;</p> <p>b) Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu;</p> <p>c) Thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã phát hành, thay đổi đại diện người sở hữu trái phiếu;</p> <p>d) Chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin;</p> <p>đ) Kết quả đàm phán với nhà đầu tư trong trường hợp chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu; việc thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau thời gian bị chậm thanh toán;</p> <p>e) Phải thực hiện mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc;</p> <p>g) Khi nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc xử phạt vi phạm</p>	<p>- Bổ sung quy định doanh nghiệp phải công bố thông tin trong 24 giờ khi chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu; có kết quả đàm phán với nhà đầu tư trong trường hợp chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu và việc thực hiện thanh toán gốc, lãi trái phiếu sau thời gian bị chậm thanh toán do các thông tin này là cần thiết, quan trọng đối với nhà đầu tư; nhà đầu tư cần được tiếp cận sớm để thực hiện quyền của mình theo quy định và theo thỏa thuận với doanh nghiệp phát hành.</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

²⁵ Bổ sung điểm c, d, đ K1 theo Khoản 17 Điều 1 NĐ 65

	<p>2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện chế độ báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.</p>	<p>hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc bị xử lý vi phạm pháp luật theo quy định;</p> <p>h) Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người đại diện theo pháp luật;</p> <p>i) Các sự kiện bất thường khác ảnh hưởng đến khả năng thanh toán gốc, lãi trái phiếu của doanh nghiệp.</p> <p>2. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này đến khi trái phiếu không còn dư nợ.</p> <p>3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và thực hiện chế độ báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.</p>	
25	<p>Điều 23. Công bố thông tin của doanh nghiệp về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu</p> <p>1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao</p>	<p>Điều 35. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu</p> <p>1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn,</p>	<p>- Kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Sửa đổi nội dung liên quan đến việc doanh nghiệp công bố kết quả mua lại trái phiếu về “giá trị” (thay cho quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP là “về khối lượng”) do Nghị định đã sửa đổi điều kiện, điều khoản cơ bản của trái phiếu (khoản 2 Điều 6).</p>

<p>dịch chứng khoán.</p> <p>2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu:</p> <p>a) Trong thời hạn 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; khối lượng trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>3. Nội dung công bố thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>4. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại</p>	<p>hoán đổi trái phiếu:</p> <p>a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; giá trị trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;</p> <p>b) Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>3. Nội dung công bố thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>4. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.</p>	
-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

	khoản 2 Điều 32-Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.		
	Chương III. Chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế	Chương III. Chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế	
26	Điều 24. Nguyên tắc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế (chào bán riêng lẻ hoặc ra công chúng) phải tuân thủ quy định tại Nghị định này và đáp ứng điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành. 2. Việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành.	Điều 24. Nguyên tắc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Doanh nghiệp chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế phải tuân thủ quy định tại Nghị định này và đáp ứng điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành. 2. Việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán ra thị trường quốc tế thực hiện theo quy định tại thị trường phát hành. 3. Việc thực hiện mua lại trước hạn, hoán đổi, chuyển đổi trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế phải tuân thủ quy định tại thị trường phát hành và quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	- Kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP. - Chuyển từ Điều 7. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu để đảm bảo rõ ràng khi áp dụng do việc mua lại trái phiếu khi phát hành ra quốc tế áp dụng theo quy định tại thị trường phát hành.
27	Điều 25. Điều kiện chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế 1. Đối với trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền: a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần hoặc công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập và hoạt động theo	Điều 25. Điều kiện chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế 1. Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên	- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP. Tuy nhiên, kết cấu riêng điều kiện, hồ sơ chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm theo chứng quyền và chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền để đảm bảo rõ ràng, dễ tiếp cận,

<p>pháp luật Việt Nam;</p> <p>b) Phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chấp thuận theo quy định tại Điều 28 Nghị định này;</p> <p>c) Đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành;</p> <p>d) Tuân thủ quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và pháp luật về quản lý ngoại hối;</p> <p>đ) Các điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.</p> <p>2. Đối với trái phiếu chuyển đổi hoặc trái phiếu kèm chứng quyền:</p> <p>a) Doanh nghiệp phát hành là công ty cổ phần đáp ứng các điều kiện phát hành quy định tại khoản 1 Điều này;</p> <p>b) Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Các đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách nhau ít nhất 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán gần nhất.</p>	<p>hoặc Chủ sở hữu công ty phê duyệt.</p> <p>2. Được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>3. Đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p>4. Đáp ứng quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh và pháp luật về quản lý ngoại hối.</p> <p>5. Đáp ứng các điều kiện chào bán theo quy định tại thị trường phát hành.</p> <p>Điều 27. Điều kiện chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế</p> <p>1. Có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.</p> <p>2. Việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành riêng lẻ gần nhất, bao gồm: chào bán cổ phiếu riêng lẻ; chào bán trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ; chào bán trái phiếu</p>	<p>áp dụng; tương ứng như quy định về chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước ;</p> <p>- Quy định rõ điều kiện doanh nghiệp phát hành có phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán được cấp có thẩm quyền thông qua</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>kèm chứng quyền riêng lẻ; chào bán cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho cổ đông công ty cổ phần chưa đại chúng, hoán đổi phần vốn góp cho thành viên góp vốn của công ty trách nhiệm hữu hạn; phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần cho số cổ đông xác định trong công ty đại chúng; phát hành cổ phiếu để hoán đổi nợ.</p> <p>4. Đáp ứng các điều kiện chào bán quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 25 Nghị định này.</p>	
28	<p>Điều 26. Quy trình chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế.</p> <p>1. Đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty không phải là công ty đại chúng:</p> <p>a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 27 Nghị định này và tổ chức chào bán tại thị trường phát hành.</p> <p>b) Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 29, Điều 30, Điều 31 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.</p> <p>2. Đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:</p>	<p>Điều 29. Trình tự, thủ tục đề nghị việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế</p> <p>1. Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu không chuyên đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 26 Nghị định này; hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu chuyên đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.</p> <p>2. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:</p> <p>a) Doanh nghiệp phát hành gửi hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ</p>	<p>- Nội dung này cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP, có điều chỉnh một số câu chữ để làm rõ, đúng tính chất của việc gửi hồ sơ chào bán cho UBCKNN là để “đề nghị việc chào bán ra thị trường quốc tế”, khác với hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu riêng lẻ chuyên đổi/kèm chứng quyền tại thị trường trong nước.</p>

<p>a) Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 27 Nghị định này và gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>b) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, doanh nghiệp công bố thông tin trước khi chào bán theo quy định tại Điều 29 Nghị định này và thực hiện chào bán trái phiếu theo quy định của thị trường phát hành.</p> <p>c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán, doanh nghiệp báo cáo kết quả chào bán theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p>3. Doanh nghiệp thanh toán gốc, lãi trái phiếu và thực hiện chế độ công bố thông tin theo quy định của thị trường phát hành và Mục 2 Chương III Nghị định này.</p>	<p>ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản thông báo nhận được hồ sơ và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được hồ sơ của doanh nghiệp; trường hợp từ chối, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;</p> <p>b) Sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có thông báo nhận được hồ sơ, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán theo Điều 37 Nghị định này và thực hiện chào bán trái phiếu theo quy định của thị trường phát hành;</p> <p>c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, doanh nghiệp phát hành báo cáo kết quả chào bán theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;</p> <p>d) Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.</p> <p>3. Trường hợp doanh nghiệp phát hành không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, doanh nghiệp phát hành gửi Bản cung cấp thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán theo Điều 37 Nghị định này, tổ chức chào bán trái phiếu theo quy định tại thị trường</p>	
-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

		phát hành, thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 38 Nghị định này và quy định của thị trường phát hành.	
30	<p>Điều 27. Hồ sơ chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế</p> <p>1. Doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm lập hồ sơ chào bán để phục vụ cho việc chào bán, giao dịch và thanh toán lãi, gốc trái phiếu.</p> <p>2. Hồ sơ chào bán trái phiếu bao gồm các tài liệu cơ bản sau:</p> <p>a) Phương án chào bán trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận theo quy định tại Điều 28 Nghị định này.</p> <p>b) Giấy xác nhận tài khoản vốn phát hành chứng khoán bằng ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>c) Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia.</p> <p>d) Quyết định phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền.</p> <p>đ) Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trong trường hợp thị trường phát hành yêu cầu.</p> <p>e) Hồ sơ đăng ký chào bán với cơ quan</p>	<p>Điều 26. Hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế</p> <p>1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, trong đó:</p> <p>a) Phương án phát hành phải nêu rõ: loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu chào bán, lãi suất trái phiếu hoặc nguyên tắc tính lãi suất trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, thời điểm chào bán;</p> <p>b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý, tình hình triển khai dự án) và/hoặc mua tài sản (nêu thông tin về tài sản, chi phí mua dự kiến) và/hoặc góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác và/hoặc sử dụng để thanh toán các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị hợp đồng, mục đích vay nợ) và/hoặc bổ sung vốn lưu động;</p> <p>c) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu rõ kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu (trong đó nêu thời gian,</p>	<p>- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Chi tiết quy định về nội dung phương án phát hành được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp thông qua để đảm bảo rõ ràng khi áp dụng;</p> <p>- Sửa đổi nội dung giấy xác nhận tài khoản vốn phát hành chứng khoán bằng ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành Văn bản xác nhận tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 10/2022/TT-NHNN;</p> <p>- Sửa đổi làm rõ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Luật Chứng khoán nội dung: Các đợt chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phải cách ít nhất 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán <i>cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền gần nhất</i>;</p> <p>- Bổ sung tài liệu <i>Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh</i></p>

có thẩm quyền tại thị trường phát hành hoặc ý kiến pháp lý của công ty tư vấn luật quốc tế về việc doanh nghiệp không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại khi phát hành trái phiếu.

g) Đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ và điểm e khoản này, hồ sơ chào bán trái phiếu còn bao gồm:

- Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.
- Bản sao Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty phê duyệt hồ sơ chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế.

nguồn trả nợ).

2. Văn bản xác nhận tài khoản vốn vay và trả nợ nước ngoài tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép theo quy định của pháp luật quản lý ngoại hối.

3. Văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận hạn mức phát hành nằm trong tổng hạn mức vay thương mại nước ngoài của quốc gia.

4. Văn bản phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của cấp có thẩm quyền đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

5. Báo cáo tài chính được lập theo chuẩn mực kế toán quốc tế trong trường hợp thị trường phát hành yêu cầu.

6. Tài liệu chứng minh bảo đảm điều kiện về tỷ lệ an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

7. Hồ sơ đăng ký chào bán với cơ quan có thẩm quyền tại thị trường phát hành hoặc ý kiến pháp lý của công ty tư vấn luật quốc tế về việc doanh nghiệp không phải đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nước sở tại khi phát hành trái phiếu.

8. Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và Quyết định của Hội đồng quản trị hoặc

nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền trong hồ sơ chào bán trái phiếu chuyên đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế để đảm bảo phù hợp với quy định.

Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty thông qua hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Điều 28. Hồ sơ đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu, trong đó:

a) Phương án phát hành nêu rõ: loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu chào bán, lãi suất hoặc nguyên tắc tính lãi suất trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu, thời điểm chào bán, phương án chuyển đổi trái phiếu (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ hoặc phương pháp tính giá chuyển đổi, việc trả nợ vốn trong trường hợp không chuyển đổi trái phiếu, thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, các điều khoản khác), phương án thực hiện quyền của chứng quyền (điều kiện, thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền; giá hoặc phương pháp tính giá phát hành; việc trả nợ vốn; thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để thực hiện

quyền đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài; các điều khoản khác). Trường hợp giá chuyển đổi, giá phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền thấp hơn mệnh giá, việc chuyển đổi, thực hiện quyền chỉ được thực hiện khi doanh nghiệp phát hành có đủ thặng dư vốn cổ phần để bù đắp phần thặng dư âm phát sinh do phát hành cổ phiếu dưới mệnh giá. Những người có quyền lợi liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu không được tham gia biểu quyết;

b) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán bao gồm các thông tin cụ thể về dự án đầu tư (trong đó nêu cụ thể về tình trạng pháp lý, tình hình triển khai dự án) và/hoặc mua tài sản (nêu thông tin về tài sản, chi phí mua dự kiến) và/hoặc góp vốn/mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn góp tại doanh nghiệp khác và/hoặc sử dụng để thanh toán các khoản nợ (nêu thông tin về chủ nợ, giá trị hợp đồng, mục đích vay nợ) và/hoặc bổ sung vốn lưu động;

c) Phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán phải nêu rõ kế hoạch trả nợ gốc, lãi trái phiếu (trong đó nêu thời gian, nguồn trả nợ).

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu

		<p>thành cổ phiếu, thực hiện quyền kèm theo chứng quyền phải đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.</p> <p>3. Cam kết của tổ chức phát hành về việc không vi phạm quy định về sở hữu chéo của Luật Doanh nghiệp tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thời điểm thực hiện quyền của chứng quyền.</p> <p>4. Giấy đề nghị việc đăng ký chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ trong trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.</p> <p>5. Tài liệu quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 26 Nghị định này.</p>	
	<p>Điều 28. Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế</p> <p>1. Đối với công ty cổ phần:</p> <p>a) Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền, phương án phát hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Đối với chào bán trái phiếu không</p>	<p>Điều 28. Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế</p> <p>1. Đối với công ty cổ phần:</p> <p>a) Đối với chào bán trái phiếu chuyển đổi và chào bán trái phiếu kèm chứng quyền, phương án phát hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b) Đối với chào bán trái phiếu không chuyển đổi không kèm chứng quyền, cấp</p>	<p>- Không quy định riêng nội dung này thành 01 Điều.</p> <p>- Nội hàm về thẩm quyền thông qua phương án phát hành trái phiếu đã được nêu tại từng loại điều kiện, hồ sơ chào bán; nguyên tắc phát hành tại khoản 4 Điều 5 Nghị định; việc trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu</p>

<p>chuyên đổi không kèm chứng quyền, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.</p> <p>2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty theo Điều lệ của công ty.</p> <p>3. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, phải tuân thủ quy định về việc huy động vốn quốc tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p>	<p>có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu thực hiện theo Điều lệ của công ty. Trường hợp Điều lệ của công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ chào bán trái phiếu.</p> <p>2. Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu là Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc chủ sở hữu công ty theo Điều lệ của công ty.</p> <p>3. Đối với doanh nghiệp nhà nước, ngoài thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, phải tuân thủ quy định về việc huy động vốn quốc tế theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Đối với doanh nghiệp phát hành thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện, ngoài thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành.</p>	<p>được quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định.</p> <p>-</p>
------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------

	Điều này, thẩm quyền chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành.		
	Mục 2. Công bố thông tin	Chương IV. Công bố, cung cấp thông tin ... Mục 2. Chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế	
31	<p>Điều 29. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu</p> <p>1. Doanh nghiệp thực hiện việc công bố thông tin theo quy định tại thị trường phát hành và quy định tại Nghị định này.</p> <p>²⁶2. Chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 33 Nghị định này. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin của doanh</p>	<p>Điều 36. Nguyên tắc công bố, cung cấp thông tin</p> <p>1. Doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin theo quy định tại thị trường phát hành và quy định tại Nghị định này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và tính chính xác, trung thực của thông tin công bố.</p> <p>2. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt chào bán trái phiếu của doanh nghiệp.</p> <p>Điều 37. Công bố thông tin trước đợt chào bán</p> <p>1. Tối thiểu 01 ngày làm việc trước ngày tổ chức đợt chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin trước đợt chào</p>	<p>- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Kết cấu thành 02 Điều để đảm bảo rõ ràng, 01 điều về nguyên tắc công bố thông tin và 01 điều về công bố thông tin trước đợt chào bán.</p>

²⁶ SĐ, BS theo K18 Điều 1 NĐ 65

	<p>ng nghiệp phát hành không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.</p>	<p>bán trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 37 Nghị định này. Việc Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành, không hàm ý Sở giao dịch chứng khoán xác nhận và đảm bảo cho đợt phát hành trái phiếu của doanh nghiệp.</p>	
32	<p>Điều 30. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu</p> <p>²⁷1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi thông tin về kết quả chào bán đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>1a. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.”</p>	<p>Điều 38. Công bố thông tin về kết quả chào bán</p> <p>1. Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành trái phiếu, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu đến Sở giao dịch chứng khoán. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>2. Trường hợp doanh nghiệp chào bán không thành công hoặc hủy đợt chào bán trái phiếu, chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc phân phối trái phiếu, doanh nghiệp công bố thông tin và gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.</p>	<p>- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Điều chỉnh thời hạn doanh nghiệp công bố thông tin về kết quả đợt chào bán từ trong 05 ngày làm việc thành chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại khoản 3 Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

²⁷ SD, BS K1, BS K1a theo K19 Điều 1 NĐ 65

	<p>2. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.</p>	<p>3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.</p>	
33	<p>Điều 31. Công bố thông tin định kỳ</p> <p>1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi trái phiếu đáo hạn, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở Giao dịch Chứng khoán.</p> <p>a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng.</p> <p>b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.</p> <p>²⁸2. Nội dung công bố thông tin thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và bao gồm các tài liệu sau:</p> <p>a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát</p>	<p>Điều 39. Công bố thông tin định kỳ, bất thường</p> <p>1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm theo năm tài chính cho đến khi doanh nghiệp phát hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu và không còn dư nợ, doanh nghiệp phát hành gửi nội dung công bố thông tin định kỳ đến Sở Giao dịch Chứng khoán:</p> <p>a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng;</p> <p>b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm;</p> <p>c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày trái phiếu đã không còn dư nợ, doanh nghiệp công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán về việc đã thực hiện thanh toán đầy</p>	<p>- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP;</p> <p>- Sửa đổi tên điều thành “Công bố thông tin định kỳ, bất thường” để đảm bảo đầy đủ do nội dung điều có quy định về công bố thông tin bất thường;</p> <p>- Dẫn chiếu quy định tại Điều 34 - công bố thông tin bất thường tại thị trường trong nước.</p>

²⁸ SĐ, BS theo K20 Điều 1 NĐ 65

hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ.

b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu.

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ.

d) Báo cáo về thông tin bất thường của doanh nghiệp phát hành (nếu có).

đ) Báo cáo về mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền (nếu có).

e) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu.”

3. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin định kỳ của doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo

đủ gốc, lãi trái phiếu. Doanh nghiệp không phải thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng và hàng năm theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi trái phiếu đã không còn dư nợ.

2. Nội dung công bố thông tin định kỳ bao gồm các tài liệu sau:

a) Báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và báo cáo tài chính 06 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét phải được Đại hội cổ đông hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty xác nhận số liệu. Trường hợp doanh nghiệp phát hành là công ty mẹ, báo cáo tài chính 06 tháng, báo cáo tài chính năm bao gồm cả báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính của công ty mẹ;

b) Tình hình thanh toán lãi, gốc trái phiếu;

c) Báo cáo định kỳ 6 tháng, hàng năm về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ;

d) Báo cáo tình hình thực hiện các cam kết của doanh nghiệp phát hành đối với người sở hữu trái phiếu.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng

quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để tổng hợp, công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 33 Nghị định này.

quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm gửi nội dung công bố thông tin đến Sở giao dịch chứng khoán.

4. Doanh nghiệp phát hành thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra các sự kiện sau:

a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp;

b) Chậm thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo phương án phát hành đã công bố thông tin;

c) Về việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu, chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền (nếu có);

d) Thông tin bất thường của doanh nghiệp phát hành (nếu có).

5. Nội dung công bố thông tin thực hiện quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

6. Sở giao dịch chứng khoán tiếp nhận nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này để tổng hợp,

		công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Nghị định này và báo cáo về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Điều 42 Nghị định này.	
	Chương IV. Chuyên trang thông tin và chế độ báo cáo doanh nghiệp	Chương V. Chuyên trang thông tin và chế độ báo cáo về trái phiếu doanh nghiệp	
34	<p>²⁹Điều 32. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>1. Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm:</p> <p>a) Tổng hợp thông tin trên cơ sở nội dung thông tin đã tiếp nhận của doanh nghiệp phát hành trái phiếu để thực hiện công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b) Xây dựng, ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>2. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp gồm các nội dung sau:</p> <p>a) Tình hình phát hành trái phiếu doanh</p>	<p>Điều 40. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở Giao dịch Chứng khoán</p> <p>1. Sở Giao dịch Chứng khoán có trách nhiệm:</p> <p>a) Tổng hợp thông tin trên cơ sở nội dung thông tin công bố của doanh nghiệp phát hành trái phiếu tổ chức phát hành trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để thực hiện chế độ báo cáo của Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định này;</p> <p>b) Xây dựng, ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với tổ chức phát hành, tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành và quản lý vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p> <p>2. Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp gồm các nội dung sau:</p>	- Nội dung cơ bản kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.

²⁹ SD, BS theo K21 Điều 1 NĐ 65

ngành tại thị trường trong nước, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, một số chỉ tiêu tài chính (dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu), hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, hệ số tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu, hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)), mã trái phiếu, đối tượng chào bán của từng mã trái phiếu, lãi suất phát hành, ngày phát hành, khối lượng, mệnh giá, ngày đáo hạn, báo cáo thanh toán gốc lãi trái phiếu, công bố thông tin bất thường, kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu thuộc các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định;

b) Tình hình phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, ngày phát hành, khối lượng, mệnh giá, ngày đáo hạn, thị trường phát hành.

c) Tình hình chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, việc thực hiện quyền của chứng quyền, việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có).

d) Thông tin khác theo thỏa thuận giữa Sở giao dịch chứng khoán và doanh

a) Tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp tại thị trường trong nước, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, một số chỉ tiêu tài chính (dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu), hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, hệ số tổng dư nợ vay trái phiếu (bao gồm tất cả các hình thức vay trái phiếu)/vốn chủ sở hữu, hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)), mã trái phiếu, đối tượng chào bán của từng mã trái phiếu, lãi suất phát hành, ngày phát hành, giá trị, mệnh giá, ngày đáo hạn, báo cáo thanh toán gốc lãi trái phiếu, công bố thông tin bất thường, kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu thuộc các trường hợp phải xếp hạng tín nhiệm theo quy định;

b) Tình hình phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế, bao gồm: tên doanh nghiệp phát hành, ngày phát hành, giá trị, mệnh giá, ngày đáo hạn, thị trường phát hành; tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu; tình hình thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có);

c) Tình hình chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, việc thực hiện quyền của chứng quyền, việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu có);

	<p>ngành phát hành để cung cấp cho đối tượng được tiếp nhận thông tin theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>đ) Thông tin về các trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu, sử dụng vốn trái phiếu không đúng mục đích hoặc không thực hiện được các cam kết với nhà đầu tư và các trường hợp doanh nghiệp phát hành bắt buộc phải mua lại trái phiếu trước hạn theo báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu và công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành.</p> <p>3. Nhà đầu tư và doanh nghiệp phát hành trái phiếu được truy cập chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để tìm hiểu thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp do Sở giao dịch chứng khoán ban hành.</p>	<p>d) Thông tin khác theo thỏa thuận giữa Sở giao dịch chứng khoán và doanh nghiệp phát hành để cung cấp cho đối tượng được tiếp nhận thông tin theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở giao dịch chứng khoán;</p> <p>đ) Thông tin về các trường hợp doanh nghiệp phát hành không thanh toán đầy đủ gốc, lãi trái phiếu, sử dụng vốn trái phiếu không đúng mục đích hoặc không thực hiện được các cam kết với nhà đầu tư và các trường hợp doanh nghiệp phát hành bắt buộc phải mua lại trái phiếu trước hạn theo báo cáo của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu và công bố thông tin của doanh nghiệp phát hành.</p> <p>3. Nhà đầu tư và doanh nghiệp phát hành trái phiếu được truy cập chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp để tìm hiểu thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp do Sở giao dịch chứng khoán ban hành.</p>	
35	³⁰ Điều 33. Báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, tổ chức	Điều 41. Báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, tổ chức đấu thầu,	- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung

³⁰ SD, BS theo K22 Điều 1 NĐ 65

<p>đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p>2. Đại diện người sở hữu trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán định kỳ hàng quý, hàng năm và báo cáo trong trường hợp phát hiện tổ chức phát hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của người sở hữu trái phiếu.</p> <p>3. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Sở giao dịch chứng khoán. Riêng đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành, ngoài chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này, phải thực hiện chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>4. Chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán</p>	<p>bảo lãnh, đại lý phát hành, đại diện người sở hữu trái phiếu, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>1. Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý và hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p> <p>2. Đại diện người sở hữu trái phiếu thực hiện chế độ báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán định kỳ hàng quý, hàng năm và báo cáo trong trường hợp phát hiện tổ chức phát hành có hành vi vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của người sở hữu trái phiếu.</p> <p>3. Tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Sở giao dịch chứng khoán. Riêng đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp phép cung cấp dịch vụ đại lý phát hành, ngoài chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này, phải thực hiện chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>4. Chế độ báo cáo của Sở giao dịch chứng khoán:</p> <p>a) Sở giao dịch chứng khoán thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm</p>	<p>sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p>
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	---------------------------------------------

<p>a) Sở giao dịch chứng khoán thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp gồm chào bán tại thị trường trong nước và chào bán ra thị trường quốc tế.</p> <p>b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở giao dịch chứng khoán báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý.</p> <p>5. Chế độ báo cáo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, cơ cấu nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.</p> <p>b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý.</p> <p>6. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán</p>	<p>cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp gồm chào bán tại thị trường trong nước và chào bán ra thị trường quốc tế;</p> <p>b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Sở giao dịch chứng khoán báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý.</p> <p>5. Chế độ báo cáo của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>a) Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tình hình đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, cơ cấu nhà đầu tư trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước;</p> <p>b) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ theo quy định tại điểm a khoản này, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam báo cáo đột xuất cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của cơ quan quản lý.</p> <p>6. Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo của doanh nghiệp phát hành, tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu, đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều này.</p>	
--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

<p>trái phiếu, đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức đầu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành, Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam theo quy định tại Điều này.</p>		
<p>Chương V. Quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan</p>	<p>Chương VI. Quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan</p>	<p>Chương này được thiết kế lại theo hướng đưa trách nhiệm của tổ chức phát hành và tổ chức cung cấp dịch vụ vào các chương quy định trực tiếp về hoạt động của các tổ chức đó; tại chương này chỉ quy định trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cơ quan, tổ chức có liên quan, gồm: SGDC, VSDC, UBCKNN; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Sở Tài chính, cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các bộ, ngành có liên quan. Theo đó, dự thảo Nghị định phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức trong công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm đối với hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ theo đúng đối tượng quản lý; đồng thời tăng cường phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính địa phương) trong công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trên địa bàn theo nguyên tắc: mỗi cơ quan thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao, không chồng</p>

			chéo, trùng lặp; bảo đảm cơ chế phối hợp, chia sẻ và cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý. Cơ chế này giúp Bộ Tài chính có đủ thông tin để theo dõi, đánh giá tình hình thị trường TPDN và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện chính sách.
36	<p>Điều 34. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu</p> <p>1. Tuân thủ quy định của Nghị định này về việc chào bán trái phiếu.</p> <p>2. Phải quản lý, sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu theo đúng phương án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật.</p> <p>³¹3. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu. Đối với trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, trường hợp doanh nghiệp phát hành không thể thanh toán đầy đủ, đúng hạn nợ gốc, lãi trái phiếu bằng đồng Việt Nam theo phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều 17 Nghị định này, doanh nghiệp có thể đàm phán với người sở hữu trái phiếu để thanh toán gốc, lãi trái phiếu đến hạn bằng tài sản khác</p>	<p>Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu</p> <p>1. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu có trách nhiệm:</p> <p>a) Tuân thủ quy định của Nghị định này về việc chào bán trái phiếu;</p> <p>b) Quản lý, sử dụng vốn từ chào bán trái phiếu theo đúng mục đích phát hành, phương án sử dụng vốn từ chào bán trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận và theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn và thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) cho chủ sở hữu trái phiếu theo điều kiện, điều khoản của trái phiếu;</p> <p>d) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước nhà đầu tư về tính chính xác, trung thực, đầy đủ, hợp lệ của thông tin kê khai trong hồ sơ chào bán/dăng ký chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, tài liệu công bố thông tin trước đợt chào</p>	<p>- Chuyển quy định tại Điều 7 - Chương I. Quy định chung do doanh nghiệp phát hành trái phiếu là chủ thể thực hiện và chịu trách nhiệm liên quan đến việc chào bán, không phải tổ chức có liên quan;</p> <p>- Chuyển quy định liên quan đến thanh toán gốc, lãi bằng tài sản khác tại Mục 5 Chương II - Thanh toán gốc, lãi trái phiếu.</p>

³¹ SD, BS theo Điều 1 NĐ 08

theo các nguyên tắc sau:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật dân sự và pháp luật có liên quan. Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thì còn phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đó.

b) Phải được người sở hữu trái phiếu chấp thuận.

c) Doanh nghiệp phát hành phải công bố thông tin bất thường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tình trạng pháp lý của tài sản sử dụng để thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo quy định của pháp luật.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ chào bán trái phiếu và các thông tin công bố; thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật.

5. Doanh nghiệp phát hành trái phiếu không tuân thủ quy định tại Nghị định này tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.

bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và về việc đáp ứng đầy đủ các điều kiện chào bán; có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư;

đ) Doanh nghiệp phát hành phải mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

e) Thực hiện chế độ quản lý tài chính, kế toán thống kê và kiểm toán theo quy định của pháp luật;

g) Tuân thủ các nghĩa vụ khác quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật.

	<p>³²6. Có trách nhiệm giải thích cho nhà đầu tư các thông tin liên quan đến phương án phát hành, các rủi ro pháp lý, rủi ro đầu tư, rủi ro sử dụng vốn, quyền, lợi ích, trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp phát hành và của nhà đầu tư.</p> <p>7. Doanh nghiệp phát hành phải mua lại trái phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định này.</p>		
37	<p>³³Điều 35. Trách nhiệm của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán</p> <p>1. Tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Điều 14 Nghị định này khi cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu.</p> <p>2. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>3. Chịu sự quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định của Nghị định này. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc truy cứu</p>	Chuyển quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định	Kết cấu cùng trách nhiệm của tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán tại khoản 5 Điều 12 Nghị định để đảm bảo tính đồng bộ, tránh việc có 02 điều khoản cùng quy định về một nội dung

³² BS khoản 6, 7 theo K23 Điều 1 ND 65

³³ SĐ theo K24 Điều 1 ND 65

	trách nhiệm hình sự.”		
38	<p>³⁴Điều 36. Trách nhiệm của đại diện người sở hữu trái phiếu</p> <p>1. Tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Điều 14 Nghị định này khi cung cấp dịch vụ đại diện người sở hữu trái phiếu.</p> <p>2. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>3. Chịu sự quản lý, giám sát của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định của Nghị định này. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.</p>	Chuyên quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định	Kết cấu cùng trách nhiệm của đại diện người sở hữu trái phiếu tại khoản 6 Điều 12 Nghị định để đảm bảo tính đồng bộ, tránh việc có 02 điều khoản cùng quy định về một nội dung
	<p>³⁵Điều 37. Trách nhiệm của tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành</p> <p>1. Tuân thủ quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Điều 14 Nghị định này khi cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành.</p> <p>2. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.</p>	Chuyên quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định	Kết cấu cùng trách nhiệm tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành tại khoản 4 Điều 12 Nghị định để đảm bảo tính đồng bộ, tránh việc có 02 điều khoản cùng quy định về một nội dung

³⁴ Sửa theo K 25 Điều 1 NĐ 65

³⁵ Sửa theo K 26 Điều 1 NĐ 65

	<p>3. Trường hợp vi phạm quy định của pháp luật khi cung cấp dịch vụ tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.</p>		
39	<p>Điều 38. Trách nhiệm của Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>1. Tổng hợp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Tổ chức và giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>³⁶3. Quản lý, giám sát việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với doanh nghiệp phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>4. Trường hợp phát hiện có sai phạm</p>	<p>Điều 42. Trách nhiệm của Sở giao dịch chứng khoán</p> <p>1. Tổng hợp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp để công bố thông tin trên chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>2. Tổ chức và giám sát việc giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Quản lý, giám sát việc thực hiện đầy đủ và đúng hạn chế độ công bố thông tin và báo cáo đối với doanh nghiệp phát hành, tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>4. Trường hợp phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo và giao dịch trái phiếu doanh</p>	<p>- Nội dung này kế thừa quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP;</p> <p>- Bổ sung trách nhiệm của Sở GDCK trong việc cung cấp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và quy định của Nghị định này</p>

³⁶ SD theo K 27 Điều 1 NĐ 65

	<p>trong việc thực hiện chế độ công bố thông tin; báo cáo và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán, có văn bản yêu cầu doanh nghiệp phát hành và cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm.</p> <p>5. Ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp; Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.</p>	<p>ngành riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán, có văn bản yêu cầu doanh nghiệp phát hành và cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý tùy theo mức độ vi phạm.</p> <p>5. Cung cấp thông tin về tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và quy định của Nghị định này.</p> <p>6. Ban hành Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp; Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>	
40	<p>³⁷Điều 38a. Trách nhiệm của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>1. Tuân thủ quy định về việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán.</p> <p>2. Giám sát hoạt động đăng ký, lưu ký và thanh toán giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán,</p>	<p>Điều 43. Trách nhiệm của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam</p> <p>1. Tuân thủ quy định về việc đăng ký, lưu ký trái phiếu, chuyển quyền sở hữu và thanh toán giao dịch trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và pháp luật chứng khoán.</p> <p>2. Giám sát doanh nghiệp phát hành, thành viên lưu ký trong việc tuân thủ quy định về đăng ký, lưu ký, thực hiện quyền, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái</p>	<p>- Kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p>

³⁷ BS theo K28 Điều 1 NĐ65

	<p>trong đó bao gồm việc thành viên lưu ký cung cấp dịch vụ theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>4. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu đối với trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý theo mức độ vi phạm.</p> <p>5. Ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký và thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.”</p>	<p>phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật chứng khoán, Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>4. Trường hợp phát hiện có vi phạm trong việc đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, có văn bản yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan giải trình, cung cấp bổ sung thông tin hoặc báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để xem xét, xử lý theo mức độ vi phạm.</p> <p>5. Ban hành các Quy chế về đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu, thanh toán giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ sau khi có ý kiến của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>	
41	<p>³⁸Điều 39. Trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p> <p>1. Cho ý kiến về việc chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng; công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại thị trường trong nước; cho ý kiến về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Nghị</p>	<p>Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước</p> <p>1. Có ý kiến về việc chào bán trái phiếu chuyên đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại thị trường trong nước; có ý kiến về việc chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng</p>	<p>- Kế thừa quy định tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p>

³⁸ SD theo K29 Điều 1 NĐ65

định này và quy định của pháp luật chứng khoán.

2. Có ý kiến chấp thuận Quy chế tiếp nhận, giám sát công bố thông tin, báo cáo và vận hành chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp, Quy chế giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, Quy chế đăng ký, lưu ký và thanh toán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của Nghị định này.

3. Quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh chứng khoán và việc cung cấp dịch vụ về chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán, trong đó bao gồm việc cung cấp dịch vụ tư vấn hồ sơ chào bán, cung cấp dịch vụ đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành theo quy định tại Nghị định này; quản lý, giám sát Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong việc đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu trái phiếu; quản lý, giám sát Sở giao dịch chứng khoán trong việc thực hiện công bố thông tin, chế độ báo cáo và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Nghị định này.

4. Trên cơ sở quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh chứng khoán của công ty chứng khoán, báo cáo giám sát của Sở giao dịch chứng khoán và Tổng

khoán.2. Có ý kiến đối với Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán theo quy định tại khoản 6 Điều 37 và khoản 5 Điều 38 Nghị định này.3. Quản lý, giám sát việc thực hiện đăng ký, lưu ký, chuyển quyền sở hữu trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam; việc thực hiện công bố thông tin, chế độ báo cáo và tổ chức giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này; Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm thì thực hiện thanh tra, kiểm tra Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

4. Trên cơ sở quản lý, giám sát hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán, báo cáo giám sát của Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận và xử lý các vi phạm trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này; kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản

	<p>công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam; báo cáo của đại diện người sở hữu trái phiếu, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tiếp nhận và xử lý các vi phạm trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm thì thực hiện thanh tra, kiểm tra Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, các tổ chức cung cấp dịch vụ và doanh nghiệp phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p>	<p>lý quỹ đầu tư chứng khoán, hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty chứng khoán.</p>	
42	<p>Điều 40. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>1. Hướng dẫn việc chào bán trái phiếu của tổ chức tín dụng, hoạt động mua bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng.</p> <p>³⁹2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp; giám sát việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung</p>	<p>Điều 45. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>1. Hướng dẫn việc chào bán trái phiếu của tổ chức tín dụng, hoạt động mua bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của Nghị định này và pháp luật về tổ chức tín dụng; giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến</p>	<p>- Kế thừa quy định tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p> <p>- Bổ sung thêm trách nhiệm quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán và quy định tại Nghị định này của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.</p>

³⁹ SD theo K30 Điều 1 NĐ65

	<p>cấp dịch vụ đại lý phát hành trái phiếu và việc các tổ chức này cam kết mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của <u>Luật Các tổ chức tín dụng</u> và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>3. Phối hợp với Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) trong việc kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ đấu thầu, đại lý phát hành trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Thực hiện quản lý nhà nước về ngoại hối và vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.</p>	<p>chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và việc các tổ chức này cam kết mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của <u>Luật Các tổ chức tín dụng</u> và các văn bản hướng dẫn; xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>3. Phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>4. Thực hiện quản lý nhà nước về ngoại hối và vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.</p>	
42		<p>Điều 42. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>1. Hướng dẫn việc chào bán trái phiếu của tổ chức tín dụng, hoạt động mua bán trái phiếu doanh nghiệp của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tổ chức tín dụng huy động vốn từ phát hành trái phiếu; cấp phép cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh</p>	- Bổ sung trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

		<p>ngành riêng lẻ theo quy định của pháp luật về hoạt động của các tổ chức tín dụng; giám sát việc ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp dịch vụ được cấp phép và việc các tổ chức này cam kết mua lại trái phiếu của doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>3. Phối hợp với Bộ Tài chính (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước) trong việc kiểm tra, giám sát tổ chức tín dụng cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn.</p> <p>4. Thực hiện quản lý nhà nước về ngoại hối và vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.</p>	
43	<p>Điều 41. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác</p> <p>1. Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, chủ sở hữu công ty có trách nhiệm:</p> <p>a) Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều lệ của công ty, quy định tại Nghị</p>	<p>Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu</p> <p>...</p> <p>⁴⁰2. Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, chủ sở hữu doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm:</p> <p>a) Phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều lệ</p>	<p>Chuyên quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu (bao gồm cả trách nhiệm của HĐQT, ĐHĐCĐ, Chủ tịch công ty, Chủ sở hữu doanh nghiệp, Cơ quan đại diện chủ sở hữu) từ Chương VI - Quản lý, giám sát và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan của NB 153 lên quy định tại Điều 7 Chương I do đây là các đối tượng</p>

⁴⁰ Điều 7. Trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành trái phiếu

<p>định này và quy định của pháp luật doanh nghiệp.</p> <p>b) Giám sát việc huy động, sử dụng vốn phát hành trái phiếu, thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước, quản lý, giám sát việc huy động và sử dụng vốn phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>	<p>của công ty, quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật doanh nghiệp;</p> <p>b) Có biện pháp quản lý, giám sát việc huy động, sử dụng vốn từ chào bán trái phiếu, thanh toán lãi, gốc trái phiếu theo thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm chấp thuận phương án phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước, quản lý, giám sát việc huy động và sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.</p>	<p>chịu trách nhiệm chính trong hoạt động chào bán TPDNRL, không phải là đối tượng có liên quan</p>
<p>3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký kinh doanh phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi Bộ Tài chính có yêu cầu.</p> <p>4. Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp kiểm tra, giám sát việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>Chuyên quy định chung tại Điều 48</p>	

44	<p>⁴¹Điều 42. Trách nhiệm của Bộ Tài chính</p> <p>1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc công bố thông tin, việc cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>2. Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này để kiến nghị Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi cơ chế chính sách.</p> <p>3. Quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán, doanh nghiệp thẩm định giá khi cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về kiểm toán và pháp luật về giá</p>	<p>Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Tài chính</p> <p>1. Hướng dẫn việc công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế; việc đăng ký, lưu ký, thanh toán giao dịch và tổ chức thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước.</p> <p>2. Quản lý, giám sát tổ chức kiểm toán, doanh nghiệp thẩm định giá, tổ chức xếp hạng tín nhiệm khi cung cấp dịch vụ liên quan đến trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo quy định của pháp luật về kiểm toán, pháp luật về giá, pháp luật về xếp hạng tín nhiệm.</p> <p>3. Tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này, đề xuất, kiến nghị Chính phủ ban hành hoặc sửa đổi cơ chế chính sách đảm bảo thị trường trái phiếu doanh nghiệp hoạt động minh bạch và ổn định.</p>	<p>- Kế thừa quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và nội dung sửa đổi tại Nghị định 65/2022/NĐ-CP.</p>
	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 47. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, và bộ ngành liên quan</p> <p>1. Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tiếp nhận thông báo về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm (i) thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ trong phạm vi địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật doanh nghiệp; (ii) có trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về</p>

⁴¹ SĐ theo K32 Điều 1 ND65

phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương, báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, Bộ Tài chính, cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn theo phân công, phân cấp của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, xử lý các hành vi vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định này có yêu cầu.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu riêng lẻ trong

TPDN riêng lẻ trong phạm vi địa phương; (iii) thanh tra, kiểm tra hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn, (iv) xử lý các vi phạm về chào bán TPDN riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này. Quy định này phù hợp với trách nhiệm của UBND cấp tỉnh tại Luật Doanh nghiệp sửa đổi. Đồng thời, Nghị định số 168/2025/NĐ-CP quy định UBND cấp tỉnh có trách nhiệm “*đôn đốc, chỉ đạo công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; tổng hợp tình hình quản lý doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập trong phạm vi địa phương*”.

Để triển khai cơ chế này, Nghị định bổ sung quy định trách nhiệm của Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (i) tiếp nhận thông báo về việc chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán để theo dõi, tổng hợp tình hình phát hành TPDN riêng lẻ trong phạm vi địa phương, (ii) báo cáo định kỳ và theo yêu cầu của Ủy ban Nhân dân

		<p>phạm vi địa phương theo quy định tại Nghị định này và pháp luật doanh nghiệp; có trách nhiệm thiết lập hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong phạm vi địa phương; thanh tra, kiểm tra hoạt động chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn, xử lý các vi phạm về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm được thông báo cho Bộ Tài chính theo định kỳ hằng năm trước ngày 31 tháng 3 năm liền kề để Bộ Tài chính tổng hợp, đánh giá tình hình hoạt động của thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này. Mẫu biểu, hình thức, phương thức gửi báo cáo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>3. Các bộ, ngành có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp kiểm tra, giám sát việc chào bán, giao dịch và cung cấp dịch vụ trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.</p>	<p>cấp tỉnh, Bộ Tài chính, (iii) cập nhật vào hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về TPDN riêng lẻ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; (iv) kiểm tra hoạt động chào bán TPDN riêng lẻ của công ty không phải là công ty đại chúng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trên địa bàn theo phân công, phân cấp của Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh; (v) xử lý các hành vi vi phạm về chào bán TPDN riêng lẻ theo thẩm quyền và theo quy định tại Nghị định này.</p> <p>Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý và báo cáo tài chính của doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định tại Nghị định này có yêu cầu.</p>
		<p>Chương VII. Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại</p>	<p>Quy định mới Chương VII đối với các nội dung về xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại để</p>

	Không quy định	<p>Điều 48. Xử lý vi phạm</p> <p>1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ thực hiện theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>Điều 49. Giải quyết tranh chấp và bồi thường thiệt hại</p> <p>1. Trường hợp quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ bị xâm phạm hoặc có tranh chấp phát sinh trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước thì việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp hoặc giải quyết tranh chấp được thực hiện thông qua thương lượng, hòa giải hoặc yêu cầu Trọng tài hoặc Tòa án Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Chủ thể xâm phạm quyền, lợi ích hợp</p>	đảm bảo rõ ràng, dễ áp dụng.
--	----------------	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------

		<p>pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, thực hiện các trách nhiệm dân sự khác theo thỏa thuận, theo quy định của Bộ luật Dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Thâm quyền, thù tặc để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoặc giải quyết tranh chấp phát sinh trong hoạt động chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
	Chương VI. Điều khoản thi hành	Chương VIII. Điều khoản thi hành	
45	<p>Điều 43. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.</p> <p>2. Nghị định này thay thế Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 50. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trừ nội dung quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>2. Điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 07 năm 2025.</p> <p>3. Các Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trên phạm vi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi là Nghị định số 153/2020/NĐ-CP), Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số</p>	<p>- Quy định về hiệu lực thi hành của Nghị định từ ngày 01/01/2026 theo thời điểm hiệu lực của Luật sửa đổi Luật Chứng khoán đối với nội dung về TPDN riêng lẻ (khoản 1 Điều 11 Luật sửa đổi Luật Chứng khoán). Riêng đối với quy định về nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu, doanh nghiệp phải thực hiện theo quy định của Luật số 76/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/07/2025</p>

		<p>điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (sau đây gọi là Nghị định số 65/2022/NĐ-CP) và Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 5 tháng 3 năm 2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.</p>	
46	<p>Điều 44. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Các quy định tại Nghị định này đối với Tổng công ty Lưu ký và Bảo trợ chứng khoán Việt Nam do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thực hiện cho đến khi Tổng công ty Lưu ký và Bảo trợ chứng khoán Việt Nam chính thức hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.</p> <p>2. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành:</p> <p>a) Tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về</p>	<p>Điều 51. Điều khoản chuyển tiếp</p> <p>1. Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành:</p> <p>a) Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ, công bố thông tin bất thường theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Tài chính.</p> <p>b) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước khi Nghị định số 153/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, tổ chức đăng ký, lưu ký trái phiếu có trách nhiệm tiếp tục thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP cho đến</p>	<p>- Luật số 56/2024/QH15 quy định trái phiếu phát hành trước 01/01/2026 tiếp tục thực hiện theo Luật Chứng khoán 2019, trên cơ sở, dự thảo Nghị định quy định:</p> <p>+ Đối với TPDNRL phát hành trước Luật Chứng khoán năm 2019, tổ chức lưu ký trái phiếu tiếp tục báo cáo cho Sở GDCK Hà Nội về tình hình lưu ký trái phiếu cho đến khi trái phiếu không còn dư nợ.</p> <p>+ Đối với trái phiếu đã thay đổi điều kiện, điều khoản trước khi Nghị định số 65 có hiệu lực thi hành: cho phép kéo dài kỳ hạn của trái phiếu tối đa không</p>

<p>phát hành trái phiếu doanh nghiệp và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp cho đến khi trái phiếu đáo hạn, ngoại trừ chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ theo quy định tại điểm b khoản này.</p> <p>b) Chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ thực hiện theo quy định tại Nghị định này cho đến khi trái phiếu đáo hạn.</p> <p>c) Doanh nghiệp không được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu tại phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt.</p>	<p>khi không còn thực hiện đăng ký, lưu ký trái phiếu theo các trường hợp quy định tại khoản điểm b khoản 3 Điều này.</p> <p>2. Việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phát hành trước ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 16 tháng 9 năm 2022) phải đảm bảo các nguyên tắc sau:</p> <p>a) Tuân thủ quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định này;</p> <p>b) Trường hợp kéo dài kỳ hạn của trái phiếu thì thời gian kéo dài tối đa không quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư;</p> <p>c) Trường hợp người sở hữu trái phiếu không chấp thuận thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu thì doanh nghiệp phát hành có trách nhiệm đàm phán để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư. Trường hợp có người sở hữu trái phiếu không chấp thuận phương án đàm phán thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu theo phương án phát hành trái phiếu đã công bố cho nhà đầu tư (kể cả trường hợp việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu đã được người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu trở lên chấp thuận).</p> <p>3. Về đăng ký, lưu ký, giao dịch, chuyển nhượng trái phiếu</p> <p>a) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành từ</p>	<p>quá 02 năm so với kỳ hạn tại phương án phát hành đã công bố cho nhà đầu tư; trường hợp nhà đầu tư không chấp thuận thì doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với người sở hữu trái phiếu.</p> <p>+ Đối với TPDNRL đã đăng ký, lưu ký, giao dịch, chuyển nhượng trước khi Nghị định số 153 có hiệu lực thi hành: (i) trái phiếu chỉ được chuyển nhượng cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tại Khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán năm 2019 (ii) bắt buộc lưu ký tập trung tại VSDC đối với trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 6 tháng trở lên tính từ thời điểm dự thảo Nghị định có hiệu lực thi hành; đối với trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 6 tháng tính từ thời điểm dự thảo Nghị định có hiệu lực thi hành, việc giao dịch thực hiện tại tổ chức lưu ký, tổ chức lưu ký có trách nhiệm xác định đối tượng được giao dịch trái phiếu.</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

		<p>ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành: tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản hướng dẫn cho đến khi tổ chức phát hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi của trái phiếu;</p> <p>b) Trái phiếu doanh nghiệp đã phát hành trước ngày 01 tháng 01 năm 2021 và còn dư nợ đến thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chỉ được giao dịch, chuyển nhượng cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Chứng khoán;- Đối với trái phiếu có kỳ hạn còn lại từ 6 tháng trở lên tính từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực phải thực hiện đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch theo quy định tại Nghị định này trong vòng 3 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;- Đối với trái phiếu đang trong thời gian thực hiện đăng ký giao dịch và trái phiếu có kỳ hạn còn lại dưới 6 tháng tính từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực: việc giao dịch, chuyển nhượng được thực hiện tại tổ chức lưu ký trái phiếu. Tổ chức lưu ký trái phiếu chịu trách nhiệm trong việc xác định trái phiếu được giao dịch, chuyển nhượng	
--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

47.	<p>Điều 45. Trách nhiệm thi hành</p> <p>Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	<p>theo đúng quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 52. Tổ chức thực hiện</p> <p>1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó.</p> <p>2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp phát hành trái phiếu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.</p>	
-----	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--